



Mã nhận dạng 16073

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Chi tiết máy(207100)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19CKC_01

Tổ Thi 001_DH19CKC_01

Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi 11/02/2022

Giờ Thi 10:30

Phòng Thi RD105

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 16 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118180	Huỳnh Hoàng Phúc	DH19CKC			6,0	6,6	6,5	6,5	0012345678910	0123456789
2	19118287	Nguyễn Quốc Bảo	DH19CKC			10	7,4	8,0	8,0	0012345678910	0123456789
3	19118290	Nguyễn Tô Hoàng Đạt	DH19CKC			8,0	7,4	7,5	7,5	0012345678910	0123456789
4	19118295	Huỳnh Tấn Học	DH19CKC			10	7,4	8,0	8,0	0012345678910	0123456789
5	19118296	Đình Đức Mạnh	DH19CKC			10	7,3	4,3	5,8	0012345678910	0123456789
6	19118297	Nguyễn Thành Nam	DH19CKC			10	8,2	6,8	7,5	0012345678910	0123456789
7	19118298	Nguyễn Tấn Nhã	DH19CKC			10	8,3	8,0	8,3	0012345678910	0123456789
8	19118302	Nguyễn Như Qui	DH19CKC			10	8,3	6,8	7,6	0012345678910	0123456789
9	19118303	Nguyễn Phan Đức Sâm	DH19CKC			8,0	8,3	8,0	8,1	0012345678910	0123456789
10	19118304	Phan Sáng	DH19CKC			10	8,3	8,0	8,3	0012345678910	0123456789
11	19118307	Nguyễn Tín Trọng	DH19CKC			10	8,3	8,0	8,3	0012345678910	0123456789
12	19118308	Bùi Trọng Trường	DH19CKC			10	7,4	8,0	8,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16073

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Chi tiết máy(207100) Số Tín Ch 3
Nhóm Thi DH19CKC_01 Tổ Thi 001_DH19CKC_01 Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh
Ngày Thi 11/02/2022 Giờ Thi 10:30 Phòng Thi RD105

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày 16 Tháng 02 Năm 2022

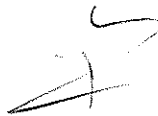
Cán bộ coi thi 1

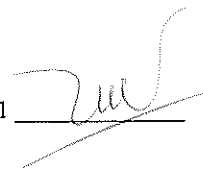
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2


Nguyễn Quang Thiệp


Nguyễn Thị Kiều Hạnh



Mã nhận dạng 00434

Trang 1/1

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Cơ kỹ thuật ứng dụng (207132) - 01

50%

CBGD: Vương Thành Tiên (324)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 40%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	17138016	Hồ Hiền	DH17TD			1,0	2,0	3,5	6,5	0012345678910	0123456789
2	17138027	Nguyễn Tấn Khôi	DH17TD			1,0	2,5	3,0	6,5	0012345678910	0123456789
3	17138037	Bùi Trung Pháp	DH17TD			1,0	2,5	3,5	7,0	0012345678910	0123456789
4	15138054	Trang Minh Sáng	DH15TD			1,0	1,5	3,0	5,5	0012345678910	0123456789
5	17138057	Đào Bá Khánh Trình	DH17TD			1,0	2,5	3,5	7,0	0012345678910	0123456789
6	17138059	Nguyễn Chí Trung	DH17TD			1,0	2,0	4,0	7,0	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Vương Thành Tiên


B. Nguyễn Bá Khánh Trình


TS. Vương Thành Tiên



Mã nhận dạng 16098

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ học lý thuyết(207133)

Số Tín Ch 4

Nhóm Thi DH20CKC_01

Tổ Thi 001_DH20CKC_01

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 13/02/2022

Giờ Thi 10:30

Phòng Thi RD304 (66%)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 25%	Đ2 15%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118192	Lê Tiến Đạt	DH18CKC			2,5	1,25	5,25	9,0	0012345678910	0123456789
2	18118207	Trịnh Ngọc Lâm	DH18CKC			2,25	1,0	3,75	7,0	0012345678910	0123456789
3	18118212	Nguyễn Xuân Nguyên	DH18CKC			1,75	1,25	1,0	4,0	0012345678910	0123456789
4	20118089	THÁI TÂN LỘC	DH20CKC			1,5	0,5	2,0	4,0	0012345678910	0123456789
5	20118095	TRẦN GIA THUẬN	DH20CKC	✓						0012345678910	0123456789
6	20118120	ĐẶNG QUỐC BẢO	DH20CKC	(Cấm thi)						0012345678910	0123456789
7	20118127	NGUYỄN VIỆT NGUYỄN CHUÔNG	DH20CKC			1,75	0,75	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
8	20118145	DƯƠNG NGUYỄN VIỆT DŨNG	DH20CKC	✓						0012345678910	0123456789
9	20118151	Phùng khánh Duy	DH20CKC			2,0	0,75	2,75	5,0	0012345678910	0123456789
10	20118152	VŨ TƯỜNG DUY	DH20CKC	(Cấm thi)						0012345678910	0123456789
11	20118153	LÊ PHAN MINH HẢI	DH20CKC			1,75	1,0	1,25	4,0	0012345678910	0123456789
12	20118177	VÕ PHÚC HUY	DH20CKC	✓						0012345678910	0123456789
13	20118185	BÙI VÕ TRUNG KIÊN	DH20CKC	(Cấm thi)						0012345678910	0123456789
14	20118190	LÊ VINH LỢI	DH20CKC			1,25	0,75	1,5	3,0	0012345678910	0123456789
15	20118191	NGUYỄN ĐỨC LỢI	DH20CKC			1,0	0,5	0,5	2,0	0012345678910	0123456789
16	20118199	CHU PHƯƠNG NAM	DH20CKC			1,25	0,5	1,25	3,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16098

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ học lý thuyết(207133)

Số Tín Ch 4

Nhóm Thi DH20CKC_01

Tổ Thi 001_DH20CKC_01

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 13/02/2022

Giờ Thi 10:30

Phòng Thi RD304

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20118205	NGUYỄN NGỌC NGHĨA	DH20CKC			1,25	0,25	1,5	3,5	0012345678910	0123456789
18	20118226	ĐÀO SĨ PHONG	DH20CKC			2,0	0,8	1,5	4,3	0012345678910	0123456789
19	20118238	ĐỖ MINH QUANG	DH20CKC			1,5	0,75	1,75	4,0	0012345678910	0123456789
20	20118249	NGUYỄN VĂN TÂM	DH20CKC			1,75	0,5	1,75	4,0	0012345678910	0123456789
21	20118281	LÊ ANH TUẤN	DH20CKC			2,25	1,0	2,25	5,5	0012345678910	0123456789
22	20118283	NGUYỄN MẠNH TÙNG	DH20CKC	(Chữ ký)						0012345678910	0123456789
23	20118288	LƯƠNG NHẬT TRẦN VINH	DH20CKC			1,75	0,75	2,5	5,0	0012345678910	0123456789
24	20152009	VŨ ĐẶNG TUẤN KIẾT	DH20CKC	✓						0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày 18 Tháng 12 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Wang Cheng Tian

Wang Cheng Tian

Mã nhân dạng 16101

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH20GN 10

Tổ Thi 001 DH20GN_10

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hanh**

Ngày Thi **19/01/2022**

Giờ Thi 08:00

Phòng Thi **RD403**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	<u>Đ1</u> 10 %	<u>Đ2</u> 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	15115021	Trần Tiến Đạt	DH15GN			5,6	4,8	3,8	4,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	17138001	Huỳnh Hoài Bảo	DH17TD			10	9,0	4,5	6,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	17138009	Huỳnh Minh Định	DH17TD			10	7,4	6,5	7,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	17138011	Nguyễn Đình Quốc Dũng	DH17TD			7,0	6,0	4,5	5,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	17154014	Trần Văn Đạt	DH17OT			10	8,8	8,5	8,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	18115005	Nguyễn Tuấn Anh	DH18GN			10	8,3	6,3	7,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	18115016	Nguyễn Phước Đức	DH18CB			5,6	7,8	8,0	7,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	18118015	Nguyễn Hải Đăng	DH18CC			7,0	9	4,3	3,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	18118018	Nguyễn Võ Công Danh	DH18CK	vàng						● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	18118036	Ứng Phương Duy	DH18CC			7,0	5,6	6,3	6,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	18153005	Phan Chí Bảo	DH18CD			8,6	8,2	8,3	8,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	19118018	Lê Minh Cảnh	DH19CC			7,0	6,5	6,0	6,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	19118051	Phan Phúc Duy	DH19CC			5,6	6,1	1,3	3,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	20115003	TRẦN THỊ MỸ AN	DH20GN			10	9,3	8,3	8,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	20115035	NGUYỄN THỊ TUYẾT GIANG	DH20GN			7,0	7,3	6,3	6,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	20115174	HỒ QUỐC AN	DH20GN			8,6	8,3	8,3	8,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 16101

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH20GN_10**

Tổ Thi **001_DH20GN_10**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **19/01/2022**

Giờ Thi **08:00**

Phòng Thi **RD403**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20115179	LÊ THỊ KIM ANH	DH20GN			8,6	8,7	8,5	8,6	0012345678910	0123456789
18	20115185	PHAN GIA DUY	DH20GN			7,0	7,5	4,5	5,7	0012345678910	0123456789
19	20115188	ĐỖ ĐĂNG	DH20GN			7,0	7,2	5,5	6,2	0012345678910	0123456789
20	20115189	LÊ PHÚC	DH20GN			5,6	0	1,0	1,2	0012345678910	0123456789
21	20115190	NGUYỄN PHÚ	DH20GN			7,0	4,0	3,5	4,0	0012345678910	0123456789
22	20115192	NGUYỄN LÊ THUỖ	DH20GN			1,0	5,3	1,0	3,2	0012345678910	0123456789
23	20115294	NGUYỄN VÕ NHẬT	DH20GN			7,0	7,0	5,5	6,1	0012345678910	0123456789
24	20154115	NGUYỄN THÀNH	DH20OT			5,6	4,4	5,3	5,1	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày 15 Tháng 02 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Trưởng Bộ môn

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày in : 24/01/2022



Mã nhận dạng 16102

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật I(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH20GN_10**

Tổ Thi **002_DH20GN_10**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **19/01/2022**

Giờ Thi **08:00**

Phòng Thi **RD501**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	16115076	Trần Duy Khánh	DH16CB	văng						0012345678910	0123456789
2	17115035	Lê Trung Hiếu	DH17CB			2	10	0,5	0,6	0012345678910	0123456789
3	17115041	Phạm Minh Hoàng	DH17GB			4,2	6,9	4,0	4,9	0012345678910	0123456789
4	17153028	Nguyễn Thành Hiếu	DH17CD			7,0	8,0	6,5	7,0	0012345678910	0123456789
5	17154046	Trần Duy Khoa	DH17OT			5,6	6,6	8,3	7,3	0012345678910	0123456789
6	18115056	Trần Khánh Linh	DH18GN			2,8	5,5	2,0	3,1	0012345678910	0123456789
7	19118082	Nguyễn Cao Hưng	DH19CC			7,0	4,0	1,0	2,5	0012345678910	0123456789
8	19118095	Nguyễn Quang Huy	DH19CC			10	5,5	2,0	3,9	0012345678910	0123456789
9	19118133	Trần Hữu Khánh Luân	DH19CC			10	8,3	8,5	8,6	0012345678910	0123456789
10	19118145	Nguyễn Văn Minh	DH19CC			10	7,8	5,3	6,5	0012345678910	0123456789
11	20115042	PHẠM THỊ HỒNG HIẾU	DH20GN			5,6	2	1,5	1,5	0012345678910	0123456789
12	20115057	LÊ THỊ HUỖNH	DH20GN	văng						0012345678910	0123456789
13	20115199	LÊ ANH HẬU	DH20GN			10	6,5	4,5	5,7	0012345678910	0123456789
14	20115201	PHAN HỒNG THẢO HIỀN	DH20GN			4,2	5,2	3,3	4,0	0012345678910	0123456789
15	20115203	LÊ MINH HIỆP	DH20GN			5,6	7,3	8,3	7,7	0012345678910	0123456789
16	20115204	NGUYỄN DUY HIẾU	DH20GN			7,0	3,3	1,5	2,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16102

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH20GN_10**

Tổ Thi **002_DH20GN_10**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **19/01/2022**

Giờ Thi **08:00**

Phòng Thi **RD501**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20115208	KIM THỊ THU HƯƠNG	DH20GN			5,6	7,0	5,3	5,8	0012345678910	0123456789
18	20115209	TRẦN THỊ THANH HƯƠNG	DH20GN			5,6	4,0	4,0	4,2	0012345678910	0123456789
19	20115212	LIÊU THỊ MỸ HUYỀN	DH20GN			7,0	7,7	8,0	7,8	0012345678910	0123456789
20	20115213	LÝ VIỆT KHOA	DH20GN			10	8,3	8,5	8,6	0012345678910	0123456789
21	20115215	TRẦN HÀO KIẾT	DH20GN			10	8,1	5,5	6,7	0012345678910	0123456789
22	20115217	HUỖNH THỊ TRÚC LINH	DH20GN			10	8,3	8,0	8,3	0012345678910	0123456789
23	20115299	NGUYỄN THỊ KIM LIÊN	DH20GN			7,0	4,6	1,0	2,7	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày 15 Tháng 02 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Thị Kiều Hạnh



Mã nhận dạng 16103

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH20GN_10**

Tổ Thi **003_DH20GN_10**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **19/01/2022**

Giờ Thi **08:00**

Phòng Thi **RD201**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	14118048	Bùi Hoàng Phong	DH14CC			70	60	4,3	5,1	0012345678910	0123456789
2	15115124	Nguyễn Minh Phụng	DH15GB			70	70	2,0	4,0	0012345678910	0123456789
3	17115088	Nguyễn Tấn Quân	DH17CB			0	0	1,0	0,6	0012345678910	0123456789
4	17118062	Phạm Văn Nam	DH17CK			5,6	5,5	6,4	6,1	0012345678910	0123456789
5	17118073	Nguyễn Minh Nhựt	DH17CC			70	8,0	5,8	6,6	0012345678910	0123456789
6	17138048	Đỗ Lý Việt	DH17TD			70	5,0	3,0	4,0	0012345678910	0123456789
7	17138050	Lê Đức Thịnh	DH17TD			5,6	7,3	5,5	6,1	0012345678910	0123456789
8	17153054	Dương Trung Ninh	DH17CD			2,8	3,7	4,5	4,1	0012345678910	0123456789
9	17154093	Ngân Văn Thành	DH17OT			10	8,8	8,8	8,9	0012345678910	0123456789
10	19118202	Nguyễn Minh Tâm	DH19CC	vắng						0012345678910	0123456789
11	20114061	NGUYỄN THANH TÂM	DH20GN			10	8,5	7,3	7,9	0012345678910	0123456789
12	20115084	PHẠM QUỐC MINH	DH20GN			70	7,7	6,8	7,1	0012345678910	0123456789
13	20115108	NGUYỄN TIÊU PHỤNG	DH20GN			70	6,3	4,3	5,2	0012345678910	0123456789
14	20115110	LÂM TRÂM TỎ	DH20GN			10	8,5	3,3	5,5	0012345678910	0123456789
15	20115126	LÊ BÍCH THẢO	DH20GN			5,6	7,6	6,0	6,4	0012345678910	0123456789
16	20115229	ĐỖ THỊ KIM NGÂN	DH20GN			70	4,5	2,0	3,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16103

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH20GN_10**

Tổ Thi **003_DH20GN_10**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **19/01/2022**

Giờ Thi **08:00**

Phòng Thi **RD201**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20115230	PHẠM THỊ NGÂN	DH20GN	<i>vắng</i>						● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	20115242	MAI LÊ TIỀN	PHÁT			8,9	9,3	8,5	8,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	20115248	DƯƠNG QUÂN	DH20GN			4,2	6,5	6,3	6,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	20115250	ĐẶNG VĂN QUỐC	DH20GN			7,0	5,2	2,5	3,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	20115259	VÔ QUỐC THẮNG	DH20GN			7,0	7,4	7,8	7,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	20115266	HÀ THỊ LỆ	THIỆN			5,6	7,4	5,5	6,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	20115267	ĐỖ CHÍ THỊNH	DH20GN			7,0	8,8	7,0	7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	20128235	NGUYỄN THỊ HOÀNG OANH	DH20GN			5,6	8,0	4,5	5,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày 15 Tháng 02 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày in : 24/01/2022



Mã nhận dạng 16104

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH20GN_10**

Tổ Thi **004_DH20GN_10**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **19/01/2022**

Giờ Thi **08:00**

Phòng Thi **RD503**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	13115118	Lê Duy Thúc	DH13CB	vắng						0012345678910	0123456789
2	13115422	Lê Văn Công	DH13CB			8,0	7,0	2,0	4,1	0012345678910	0123456789
3	13115475	Trương Xuân Vinh	DH13CB			8,0	5,1	4,0	4,7	0012345678910	0123456789
4	16115248	Võ Thị Thanh	DH16GN	vắng						0012345678910	0123456789
5	17137072	Nguyễn Hoàng Anh	DH17NL			7,0	7,7	5,5	6,3	0012345678910	0123456789
6	17138056	Nguyễn Nhật Tiến	DH17TD			7,2	6,1	5,0	5,6	0012345678910	0123456789
7	18115096	Châu Nhật Thuyết	DH18GN			5,6	6,5	6,3	6,3	0012345678910	0123456789
8	18118152	Dương Minh Tiến	DH18CC			10	6,8	7,8	7,7	0012345678910	0123456789
9	19118247	Trương Hữu Toàn	DH19CC			5,6	5,0	2,0	3,3	0012345678910	0123456789
10	20115133	NGUYỄN ĐÌNH THÔNG	DH20GN	vắng						0012345678910	0123456789
11	20115152	VÕ THỊ QUỲNH	DH20GN			7,0	7,3	5,5	6,2	0012345678910	0123456789
12	20115154	NGUYỄN VŨ THIÊN	DH20GN			2,8	5,7	3,3	4,0	0012345678910	0123456789
13	20115268	BÙI THỊ THỌ	DH20GN			7,0	6,5	3,0	4,5	0012345678910	0123456789
14	20115272	LÊ THỊ THỦY	DH20GN			5,6	7,3	7,5	7,3	0012345678910	0123456789
15	20115279	PHẠM THỊ TRIỀU	DH20GN			8,6	7,5	7,8	7,8	0012345678910	0123456789
16	20115281	NGUYỄN THANH TRUNG	DH20GN			7,0	6,4	6,0	6,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16104

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH20GN_10**

Tổ Thi **004_DH20GN_10**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **19/01/2022**

Giờ Thi **08:00**

Phòng Thi **RD503**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20115285	HUỲNH THANH PHƯƠNG VY	DH20GN			2,8	6,8	2,0	3,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
18	20115303	PHAN THỊ NGỌC TRÂM	DH20GN			7,0	5,7	3,5	4,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
19	20115306	TRẦN PHẠM TÚ TRINH	DH20GN	vắng						● ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày 15 Tháng 02 Năm 2022

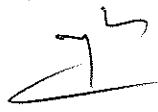
Cán bộ coi thi 1

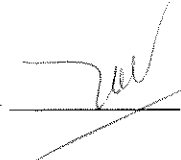
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____


Trưởng Ban Thi


Nguyễn Thị Kiều Hạnh



Mã nhận dạng 16111

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH20CK_03**

Tổ Thi **001_DH20CK_03**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **17/01/2022**

Giờ Thi **08:00**

Phòng Thi **RD205**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 10 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118017	Nguyễn Hải Đăng	DH17CK	<i>vắng</i>						● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	20118011	ĐẶNG HỮU MINH DUY	DH20CK			10	5,5	1,0	3,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	20118019	NGUYỄN VÕ ANH HÀO	DH20CC	<i>vắng</i>						● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	20118111	NGUYỄN DUY AN	DH20CK			8,0	5,0	1,0	2,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	20118115	ĐINH THẾ ANH	DH20CC			8,0	5,6	1,5	3,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	20118118	VÕ NGUYỄN VĂN HOÀI BÁC	DH20CC			8,0	4,6	1,0	2,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	20118125	TRẦN THANH BÌNH	DH20CK			10	6,1	1,0	3,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	20118128	NGÔ QUỐC CƯỜNG	DH20CK	<i>vắng</i>						● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	20118129	LÊ HẢI ĐĂNG	DH20CK			10	6,0	1,5	3,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	20118130	TRẦN MINH ĐĂNG	DH20CK			10	6,2	1,0	3,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	20118138	NGUYỄN TUẤN DIỆU	DH20CC	<i>vắng</i>						● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	20118142	ĐỖ HOÀNG ĐỨC	DH20CK	<i>vắng</i>						● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	20118143	NGUYỄN ANH ĐỨC	DH20CK			8,0	3,3	3,0	3,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	20118144	PHẠM MINH ĐỨC	DH20CK			8,0	4,9	1,0	2,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	20118146	MA TRỌNG DŨNG	DH20CK	<i>vắng</i>						● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	20118147	NGUYỄN TÂN DŨNG	DH20CK			10	5,7	1,5	3,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 16111

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH20CK_03**

Tổ Thi **001_DH20CK_03**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **17/01/2022**

Giờ Thi **08:00**

Phòng Thi **RD205**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20118149	NGUYỄN VĂN DUY	DH20CK			10	4,8	15	3,3	0012345678910	0123456789
18	20118150	PHẠM HOÀNG ĐÔNG DUY	DH20CK			6,0	3,2	10	2,2	0012345678910	0123456789
19	20118154	NGUYỄN XUÂN HẢI	DH20CK			8,0	4,5	10	2,8	0012345678910	0123456789
20	20118156	ĐẶNG CHÁNH HẬU	DH20CC			10	6,1	2,3	4,2	0012345678910	0123456789
21	20118160	NGUYỄN MINH HIẾU	DH20CK			10	7,3	2,5	4,7	0012345678910	0123456789
22	20118164	TRẦN TRUNG HIẾU	DH20CK			6,0	5,2	3,0	4,0	0012345678910	0123456789
23	20118166	LÂM LONG HỒ	DH20CK			10	6,3	1,0	3,5	0012345678910	0123456789
24	20118172	NGUYỄN BÁ HUY	DH20CK			8,0	4,9	1,0	2,9	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày 15 Tháng 02 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

7
Trần Quang Trường

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày in : 24/01/2022



Mã nhận dạng 16112

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH20CK_03**

Tổ Thi **002_DH20CK_03**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **17/01/2022**

Giờ Thi **08:00**

Phòng Thi **RD306**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118067	Lý Thái Nguyên	DH17CC			10	6,2	3,0	4,7	0012345678910	0123456789
2	17118073	Nguyễn Minh Nhựt	DH17CC			10	6,4	1,8	4,0	0012345678910	0123456789
3	19154088	Phạm Đức Lộc	DH19OT			10	6,3	6,0	6,5	0012345678910	0123456789
4	20118170	NGUYỄN BÌNH HUNG	DH20CK			6,0	5,1	1,0	2,7	0012345678910	0123456789
5	20118173	NGUYỄN MẠNH HUY	DH20CK			8,0	6,0	2,5	4,1	0012345678910	0123456789
6	20118175	PHAN LÊ NGỌC HUY	DH20CK			8,0	6,0	2	2,6	0012345678910	0123456789
7	20118176	VÕ ĐỨC PHÁT HUY	DH20CK			8,0	6,1	1,0	3,2	0012345678910	0123456789
8	20118181	NGUYỄN HOÀNG KHANG	DH20CK			10	6,0	2,0	4,0	0012345678910	0123456789
9	20118182	LÊ MINH KHANH	DH20CK			6,0	2	2,0	1,8	0012345678910	0123456789
10	20118186	TRẦN VĂN KIÊN	DH20CC			10	2	1,5	1,9	0012345678910	0123456789
11	20118187	TRẦN TUẤN KIẾT	DH20CK			10	6,0	6,5	6,7	0012345678910	0123456789
12	20118189	NGÔ HÀ NHẬT LINH	DH20CC			6,0	5,7	0,5	2,6	0012345678910	0123456789
13	20118193	ĐẶNG NGỌC LONG	DH20CC			6,0	6,3	1,0	3,1	0012345678910	0123456789
14	20118194	NGUYỄN MINH PHI LONG	DH20CK			6,0	5,0	1,0	2,7	0012345678910	0123456789
15	20118195	HỒ QUANG LUÝT	DH20CK			10	2	1,5	1,9	0012345678910	0123456789
16	20118197	VŨ TRƯỜNG MẠNH	DH20CK	Văng						0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16112

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH20CK_03**

Tổ Thi **002_DH20CK_03**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **17/01/2022**

Giờ Thi **08:00**

Phòng Thi **RD306**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20118206	PHAN TRỌNG NGHĨA	DH20CC	vắng						0012345678910	0123456789
18	20118207	TRẦN MINH	DH20CK			8,0	5,5	1,5	3,4	0012345678910	0123456789
19	20118209	TRẦN THÁI	DH20CK			10	4,4	2,0	3,5	0012345678910	0123456789
20	20118210	ĐÀO NGUYỄN TRUNG NGUYỄN	DH20CK			10	6,0	1,5	3,7	0012345678910	0123456789
21	20118211	ĐÌNH THANH	DH20CK	vắng						0012345678910	0123456789
22	20118212	LÊ THANH	DH20CK			10	6,4	1,0	3,5	0012345678910	0123456789
23	20118214	NGUYỄN LÊ TRỌNG	DH20CK			10	5,6	2,4	4,1	0012345678910	0123456789
24	20118215	PHAN VĂN	DH20CK			10	6,2	1,5	3,8	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày 15 Tháng 02 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Quang Hùng

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày in : 24/01/2022



Mã nhận dạng 16113

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH20CK_03**

Tổ Thi **003_DH20CK_03**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **17/01/2022**

Giờ Thi **08:00**

Phòng Thi **RD105**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118104	Nguyễn Thanh Phi	DH18CK			10	7,3	6,0	6,8	0012345678910	0123456789
2	20118054	VÔ DUY PHƯƠNG	DH20CC			10	7,9	1,0	4,0	0012345678910	0123456789
3	20118059	NGÔ HOÀNG TÂM	DH20CC			10	6,5	1,3	3,7	0012345678910	0123456789
4	20118107	PHẠM ĐÌNH PHÚC	DH20CK			10	6,5	1,5	3,7	0012345678910	0123456789
5	20118222	DƯƠNG TUẤN PHÁT	DH20CK			10	6,3	1,0	3,5	0012345678910	0123456789
6	20118224	PHAN THÀNH PHÁT	DH20CK			10	7,3	1,5	4,1	0012345678910	0123456789
7	20118225	TRẦN NHẬT PHẤT	DH20CK	vắng						0012345678910	0123456789
8	20118227	ĐỖ THÀNH PHONG	DH20CK	vắng						0012345678910	0123456789
9	20118229	MAI TRỌNG PHÚ	DH20CC			10	5,6	1,5	3,6	0012345678910	0123456789
10	20118235	VÔ HOÀI PHƯƠNG	DH20CK			8,0	5,7	2,5	4,0	0012345678910	0123456789
11	20118243	ĐỖ ĐỨC TÀI	DH20CK			10	6,1	2,0	4,0	0012345678910	0123456789
12	20118245	TRẦN MINH TÀI	DH20CK			6,0	1,3	1,0	1,6	0012345678910	0123456789
13	20118246	ĐOÀN VĂN TÂM	DH20CC			10	6,8	0,5	3,3	0012345678910	0123456789
14	20118247	HUỲNH THANH TÂM	DH20CK			10	6,8	1,6	4,0	0012345678910	0123456789
15	20118252	NGUYỄN QUỐC THÁI	DH20CK			8,0	0	1,5	1,7	0012345678910	0123456789
16	20118258	UNG NGỌC THÀNH	DH20CK			10	7,5	6,3	7,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16113

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH20CK_03**

Tổ Thi **003_DH20CK_03**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **17/01/2022**

Giờ Thi **08:00**

Phòng Thi **RD105**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày 15 Tháng 02 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Trương Quang Tuấn

Nguyễn Thị Kiều Hạnh



Mã nhận dạng 16114

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH20CK_03**

Tổ Thi **004_DH20CK_03**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **17/01/2022**

Giờ Thi **08:00**

Phòng Thi **RD304**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	20118253	NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	DH20CC			8,0	9	0,5	1,1	0002345678910	0023456789
2	20118255	NGUYỄN QUỐC THẮNG	DH20CK	vắng						0012345678910	0123456789
3	20118260	NGUYỄN VĂN THỊNH	DH20CC	vắng						0012345678910	0123456789
4	20118263	NGUYỄN HOÀNG THÔNG	DH20CK	vắng						0012345678910	0123456789
5	20118264	NGUYỄN ĐỨC THUẬN	DH20CK			10	9	1,0	1,6	0002345678910	0123456789
6	20118271	NGUYỄN NGỌC TOÀN	DH20CK			8,0	5,1	4,0	4,7	0012345678910	0123456789
7	20118272	PHẠM ĐỨC TOÀN	DH20CK			10	5,1	1,5	3,4	0012345678910	0123456789
8	20118274	NGUYỄN TRỌNG TRIẾT	DH20CK	vắng						0012345678910	0123456789
9	20118275	LÊ MINH TRỌNG	DH20CK	vắng						0012345678910	0123456789
10	20118276	HUỖNH QUANG TRUNG	DH20CK			8,0	5,4	4,0	4,8	0012345678910	0123456789
11	20118278	NGUYỄN THÀNH TRUNG	DH20CK			9	6,6	2,0	3,2	0012345678910	0123456789
12	20118284	PHAN THANH TÙNG	DH20CK	vắng						0012345678910	0123456789
13	20118286	NGUYỄN THÁI VI	DH20CK			8,0	5,6	3,0	4,3	0012345678910	0123456789
14	20118287	NGÔ ANH VIỆT	DH20CK			8,0	5,9	1,5	3,5	0012345678910	0123456789
15	20118291	LÂM HUỖNH ANH VŨ	DH20CK			10	8,7	3,5	5,7	0012345678910	0123456789
16	20118292	TRẦN QUỐC VƯƠNG	DH20CK			8,0	5,3	2,0	3,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16114

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH20CK_03**

Tổ Thi **004_DH20CK_03**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **17/01/2022**

Giờ Thi **08:00**

Phòng Thi **RD304**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày 15 Tháng 02 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____


Trưởng Bộ môn/Khoa


Nguyễn Thị Kiều Hạnh



Mã nhận dạng 16115

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH20NL_04**

Tổ Thi **001_DH20NL_04**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **17/01/2022**

Giờ Thi **08:00**

Phòng Thi **RD301**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118025	Nguyễn Mậu Dương	DH17CK			8,0	0,3	2,0	2,1	0012345678910	0123456789
2	19118085	Đặng Minh Huy	DH19CC			8,0	7,2	4,0	5,4	0012345678910	0123456789
3	19154036	Đặng Bảo Hân	DH19OT			8,0	6,5	5,0	5,8	0012345678910	0123456789
4	20118124	NGUYỄN QUỐC BÌNH	DH20CC			10	6,3	1,5	3,8	0012345678910	0123456789
5	20137009	NGUYỄN QUỐC ĐẠT	DH20NL			10	5,5	2,2	4,0	0012345678910	0123456789
6	20137014	NGUYỄN NHỰT HIỆP	DH20NL			10	6,3	4,5	5,6	0012345678910	0123456789
7	20137024	TRƯƠNG ANH HUYỀN	DH20NL			10	5,5	2,2	4,0	0012345678910	0123456789
8	20137063	DƯƠNG LỢI AN	DH20NL			2	4,1	2,5	2,7	0012345678910	0123456789
9	20137064	NGUYỄN TÂN AN	DH20NL			8,0	2	/	0,8	0012345678910	0123456789
10	20137067	NGUYỄN THÀNH CHÍ	DH20NL			8,0	3,6	2,5	3,4	0012345678910	0123456789
11	20137068	NGUYỄN VĂN ĐẠI	DH20NL			10	2	1,0	1,6	0012345678910	0123456789
12	20137069	LÊ MINH ĐĂNG	DH20NL			6,0	5,3	3,0	4,0	0012345678910	0123456789
13	20137070	TRỊNH TÂN DƯ	DH20NL			8,0	6,0	2,5	4,1	0012345678910	0123456789
14	20137074	LÊ THANH HÀ	DH20NL			10	7,0	5,0	6,1	0012345678910	0123456789
15	20137076	HỒ THỊ HỒNG HẠNH	DH20NL			10	6,5	3,0	4,8	0012345678910	0123456789
16	20137077	PHÙNG VĨ HÀO	DH20NL	văng						0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16115

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH20NL_04**

Tổ Thi **001_DH20NL_04**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **17/01/2022**

Giờ Thi **08:00**

Phòng Thi **RD301**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20137078	LÊ QUANG HẢO	DH20NL			8,0	5,1	2,5	3,8	0012345678910	0123456789
18	20137084	TRẦN QUANG HUY	DH20NL			8,0	6,0	4,5	5,3	0012345678910	0123456789
19	20137085	ĐẶNG QUANG KHẢI	DH20NL			10	2	0,5	1,3	0012345678910	0123456789
20	20153056	TRẦN HUỖNH QUỐC BẢO	DH20CD			8,0	1,0	1,5	2,0	0012345678910	0123456789
21	20153057	VƯƠNG TRẦN GIA BẢO	DH20CD			10	5,5	1,5	3,6	0012345678910	0123456789
22	20153065	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	DH20CD			10	3,1	1,5	2,8	0012345678910	0123456789
23	20153082	NGUYỄN THANH HON	DH20CD			8,0	7,5	6,5	7,0	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

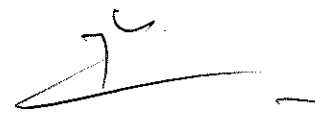
Ngày 15 Tháng 02 Năm 2022

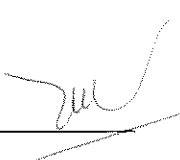
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____ Cán Bộ Chấm Thi 2 _____


Trưởng Quang Trọng


Nguyễn Thị Kiều Hạnh



Mã nhận dạng 16116

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH20NL_04**

Tổ Thi **002_DH20NL_04**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **17/01/2022**

Giờ Thi **08:00**

Phòng Thi **RD202**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118085	Nguyễn Đình Phương	DH17CK			6,0	6,0	6,0	6,0	0012345678910	0123456789
2	18118092	Nguyễn Trọng Nguyên	DH18CK			10	5,0	1,5	3,4	0012345678910	0123456789
3	19118170	Nguyễn Hoàng Ninh	DH19CC			10	6,5	6,1	6,6	0012345678910	0123456789
4	19137051	Phạm Trung Quân	DH20NL			0	0	2,8	1,7	0012345678910	0123456789
5	19154064	Huỳnh Quang Khải	DH19OT			10	6,0	2,5	4,3	0012345678910	0123456789
6	19154087	Nguyễn Minh Lộc	DH19OT			10	8,1	5,0	6,4	0012345678910	0123456789
7	19154124	Phan Văn Phương	DH19OT	Vắng						0012345678910	0123456789
8	20118198	VÕ QUỐC MINH	DH20CK			8,0	0	3,8	3,1	0012345678910	0123456789
9	20137039	ĐỖ MINH QUÂN	DH20NL			10	7,0	4,0	5,5	0012345678910	0123456789
10	20137086	LÊ BẢO KHANG	DH20NL			10	5,3	3,0	4,4	0012345678910	0123456789
11	20137087	CAO DUY KHÁNH	DH20NL			6,0	5,3	3,0	4,0	0012345678910	0123456789
12	20137088	VÕ ĐĂNG KHOA	DH20NL			8,0	5,3	1,0	3,0	0012345678910	0123456789
13	20137089	LÝ CHÍ KIẾT	DH20NL			8,0	4,6	2,0	3,4	0012345678910	0123456789
14	20137090	NGUYỄN TUẤN KIẾT	DH20NL			8,0	6,4	3,0	4,5	0012345678910	0123456789
15	20137091	PHẠM TUẤN KIẾT	DH20NL			10	5,3	1,5	3,5	0012345678910	0123456789
16	20137094	HUỲNH HOÀI LÂM	DH20NL			6,0	6,3	2,0	3,7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16116

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH20NL_04**

Tổ Thi **002_DH20NL_04**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **17/01/2022**

Giờ Thi **08:00**

Phòng Thi **RD202**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 10%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20137095	NGUYỄN HOÀNG LINH	DH20NL			8,0	5,5	2,0	3,7	0012345678910	0123456789
18	20137098	TRẦN ĐỨC	DH20NL			8,0	0	1,0	1,4	0012345678910	0123456789
19	20137099	PHẠM AN	DH20NL			10	5,8	1,5	3,6	0012345678910	0123456789
20	20137100	TRẦN THANH	DH20NL			8,0	6,6	2,5	4,3	0012345678910	0123456789
21	20137104	BÙI LÊ VĨNH	DH20NL			0	5,6	3,0	3,5	0012345678910	0123456789
22	20137105	NGUYỄN TRỌNG	DH20NL			10	5,7	3,0	4,5	0012345678910	0123456789
23	20137107	NGÔ HOÀNG	DH20NL			8,0	6,3	3,5	4,8	0012345678910	0123456789
24	20137109	NGUYỄN MINH	DH20NL	vắng						0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày 15 Tháng 02 Năm 2022

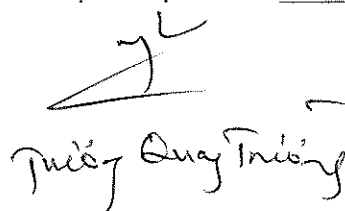
Cán bộ coi thi 1

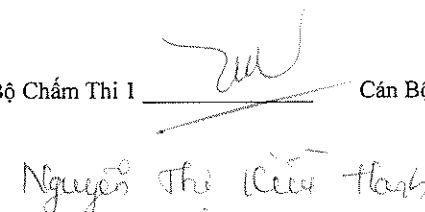
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2


Nguyễn Quang Trọng


Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày in : 24/01/2022



Mã nhận dạng 16117

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH20NL_04**

Tổ Thi **003_DH20NL_04**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **17/01/2022**

Giờ Thi **08:00**

Phòng Thi **RD101**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19154134	Nguyễn Văn Tài	DH19OT			10	7,0	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
2	19154146	Lê Thiện Thành	DH19OT			8,0	6,4	3,0	4,5	0012345678910	0123456789
3	19154154	Lê Danh Thi	DH19OT	vắng						0012345678910	0123456789
4	20118257	NGUYỄN PHÚ THÀNH	DH20CK	vắng						0012345678910	0123456789
5	20118268	NGUYỄN HOÀNG TIẾN	DH20CC			10	6,5	3,0	4,8	0012345678910	0123456789
6	20118270	HUỲNH QUỐC TOÀN	DH20CC			10	5,4	1,5	3,5	0012345678910	0123456789
7	20137047	PHẠM NHƯ TÂM THÔNG	DH20NL			10	6,1	3,5	4,9	0012345678910	0123456789
8	20137111	TRẦN THANH SANG	DH20NL			0	0	1,0	0,6	0012345678910	0123456789
9	20137112	LÊ VĂN TÀI	DH20NL	vắng						0012345678910	0123456789
10	20137113	NGUYỄN TRỌNG TÂM	DH20NL			6,0	5,8	2,7	4,0	0012345678910	0123456789
11	20137115	ĐẶNG NGUYỄN HOÀNG THÁI	DH20NL	vắng						0012345678910	0123456789
12	20137116	NGUYỄN DUƠNG THÁI	DH20NL			10	3,6	1,0	2,7	0012345678910	0123456789
13	20137118	BÙI THỊ NHẬT THIÊN	DH20NL			10	6,2	2,0	4,1	0012345678910	0123456789
14	20137119	LƯƠNG VĂN THỊNH	DH20NL			10	6,3	2,0	4,1	0012345678910	0123456789
15	20137122	NGÔ THANH TIẾNG	DH20NL			8,0	6,0	3,0	4,4	0012345678910	0123456789
16	20152012	HỒ VINH THẾ	DH20NL			10	4,2	2,0	3,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16117

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH20NL_04**

Tổ Thi **003_DH20NL_04**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **17/01/2022**

Giờ Thi **08:00**

Phòng Thi **RD101**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày 15 Tháng 02 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Nguyễn Quang Tuấn

Nguyễn Thị Kiều Hạnh



Mã nhận dạng 16118

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH20NL_04**

Tổ Thi **004_DH20NL_04**

Tên CBGD

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi **17/01/2022**

Giờ Thi **08:00**

Phòng Thi

RD406

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118245	Nguyễn Văn	Toán	DH19CC		10	8,0	4,0	5,8	0012345678910	0123456789
2	19154179	Lê Bá	Tuấn	DH19OT		10	7,8	2,0	4,5	0012345678910	0123456789
3	19154182	Đoàn Phạm Thanh	Tùng	DH19OT	vắng					0012345678910	0123456789
4	19154185	Trần Lâm	Tùng	DH19OT	vắng					0012345678910	0123456789
5	19154186	Trần Hồng	Tường	DH19OT		10	6,1	2,0	4,0	0012345678910	0123456789
6	20118282	NGUYỄN ĐẶNG MINH	TUẤN	DH20CC		10	6,1	2,0	4,0	0012345678910	0123456789
7	20137057	LƯƠNG MINH	TUẤN	DH20NL		10	5,8	2,5	4,2	0012345678910	0123456789
8	20137126	VÕ BẢO	TOÀN	DH20NL		10	6,7	4,0	5,4	0012345678910	0123456789
9	20137129	NGUYỄN THANH	TRANG	DH20NL		8,0	5,0	1,0	2,9	0012345678910	0123456789
10	20137131	TRẦN QUỐC	TRUNG	DH20NL		8,0	6,8	3,0	4,6	0012345678910	0123456789
11	20137132	BÙI NGỌC ANH	TUẤN	DH20NL		10	5,2	1,0	3,2	0012345678910	0123456789
12	20137133	TRIỆU	VĂN	DH20NL	vắng					0012345678910	0123456789
13	20137134	LÂM VŨ HUY	VĂN	DH20NL	vắng					0012345678910	0123456789
14	20137136	NGUYỄN QUỐC	VIỆT	DH20NL	vắng					0012345678910	0123456789
15	20137137	NGUYỄN LÊ	VIN	DH20NL		8,0	4,8	1,0	2,8	0012345678910	0123456789
16	20137138	TRẦN TÂN	VỸ	DH20NL		6,0	3,5	1,0	2,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16118

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH20NL_04**

Tổ Thi **004_DH20NL_04**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **17/01/2022**

Giờ Thi **08:00**

Phòng Thi **RD406**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày 15 Tháng 02 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____ Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Trương Quang Tuấn

Nguyễn Thị Kiều Hạnh



Mã nhận dạng 16119

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH20OT_05**

Tổ Thi **001_DH20OT_05**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **17/01/2022**

Giờ Thi **10:30**

Phòng Thi **RD202**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	20118132	NGUYỄN GIA ĐẠT	DH20CC			10	6,5	5,0	6,0	0012345678910	0123456789
2	20154006	NGUYỄN XUÂN BÁCH	DH20OT			10	7,3	1,3	4,0	0012345678910	0123456789
3	20154010	LÊ QUANG CÔNG	DH20OT			10	6,0	4,0	5,2	0012345678910	0123456789
4	20154014	QUÁCH DƯƠNG	DH20OT			10	7,9	4,5	6,1	0012345678910	0123456789
5	20154079	ĐIÊN TUẤN ANH	DH20OT			8,0	5,7	2,4	4,0	0012345678910	0123456789
6	20154081	NGUYỄN PHAN NGỌC ANH	DH20OT			8,0	4,4	2,0	3,3	0012345678910	0123456789
7	20154085	HUỖNH GIA BẢO	DH20OT			10	7,0	7,0	7,3	0012345678910	0123456789
8	20154090	VÕ THIÊN CHÍ	DH20OT	vắng						0012345678910	0123456789
9	20154096	LÂM HẢI ĐĂNG	DH20OT	vắng						0012345678910	0123456789
10	20154097	NGUYỄN TÂN DANH	DH20OT			8,0	2	2,0	2,0	0012345678910	0123456789
11	20154102	ĐẶNG THIỀU ĐÌNH	DH20OT			10	8,0	7,0	7,6	0012345678910	0123456789
12	20154103	DƯƠNG QUỐC ĐÔNG	DH20OT			10	5,8	5,5	6,0	0012345678910	0123456789
13	20154106	NGUYỄN VĂN ĐỨC	DH20OT			10	5,8	2,8	4,4	0012345678910	0123456789
14	20154108	NGUYỄN TRUNG DŨNG	DH20OT			10	7,5	5,5	6,6	0012345678910	0123456789
15	20154111	NGUYỄN VĂN DƯƠNG	DH20OT			8,0	6,6	1,5	3,7	0012345678910	0123456789
16	20154113	LÊ HOÀNG ĐỨC DUY	DH20OT			6,0	5,5	3,8	4,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16119

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH20OT_05**

Tổ Thi **001_DH20OT_05**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **17/01/2022**

Giờ Thi **10:30**

Phòng Thi **RD202**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20154114	NGUYỄN THÀNH DUY	DH20OT			8,0	4,0	2,0	3,2	0012345678910	0123456789
18	20154115	NGUYỄN THÀNH DUY	DH20OT			8,0	5,0	2,0	3,5	0012345678910	0123456789
19	20154117	LÊ TUẤN TRƯỜNG	GIANG			10	7,3	6,0	6,8	0012345678910	0123456789
20	20154120	VÕ NGUYỄN THANH NHẢ	DH20OT	vắng						0012345678910	0123456789
21	20154121	TRƯƠNG VĂN HÀO	DH20OT	vắng						0012345678910	0123456789
22	20154122	VŨ ANH	HÀO			6,0	7,7	2,5	4,4	0012345678910	0123456789
23	20154123	HOÀNG HỒNG	HẬU			10	7,5	2,5	4,8	0012345678910	0123456789
24	20154126	VÕ CÔNG	HIỀN			10	6,5	4,5	5,7	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày 15 Tháng 02 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

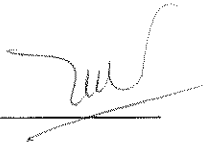
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2


Trưởng Ban Thi


Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày in : 24/01/2022



Mã nhận dạng 16120

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH20OT_05**

Tổ Thi **002_DH20OT_05**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **17/01/2022**

Giờ Thi **10:30**

Phòng Thi **RD101**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	20118184	VÕ VIỆT KHIÊM	DH20CC			8,0	4,8	3,0	4,0	0012345678910	0123456789
2	20154024	PHÙNG QUỐC HUY	DH20OT			8,0	5,5	3,5	4,6	0012345678910	0123456789
3	20154127	ĐẶNG TRUNG HIẾU	DH20OT			9	9	4,0	2,4	0012345678910	0123456789
4	20154131	HUỖNH VŨ HOÀI	DH20OT			8,0	7,0	2,0	4,1	0012345678910	0123456789
5	20154132	NGUYỄN THỌ HOÀNG	DH20OT	vắng						0012345678910	0123456789
6	20154133	NGUYỄN VĂN HOÀNG	DH20OT			8,0	9	4,0	3,2	0012345678910	0123456789
7	20154136	NGUYỄN THỊ THU HỒNG	DH20OT			10	7,5	3,0	5,1	0012345678910	0123456789
8	20154138	NGUYỄN MINH HÙNG	DH20OT			8,0	6,4	3,0	4,5	0012345678910	0123456789
9	20154141	NGUYỄN MINH HUY	DH20OT			8,0	6,0	3,0	4,4	0012345678910	0123456789
10	20154145	RƠ Ô KÁ	DH20OT	vắng						0012345678910	0123456789
11	20154146	NGUYỄN QUỐC KHÀI	DH20OT			10	9	3,0	2,8	0012345678910	0123456789
12	20154147	DƯƠNG TRÍ KHANG	DH20OT			9	6,6	3,3	4,0	0012345678910	0123456789
13	20154148	CHÂU QUỐC VIỆT KHÁNH	DH20OT			8,0	5,6	1,5	3,4	0012345678910	0123456789
14	20154151	TRẦN MẠC ANH KHOA	DH20OT	vắng						0012345678910	0123456789
15	20154152	VÕ NGUYỄN KHÔI	DH20OT			10	9	1,5	1,9	0012345678910	0123456789
16	20154153	NGUYỄN VĂN KIÊN	DH20OT	vắng						0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16120

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH20OT_05**

Tổ Thi **002_DH20OT_05**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **17/01/2022**

Giờ Thi **10:30**

Phòng Thi **RD101**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20154155	MAI THANH LÂM	DH20OT			10	6,0	6,5	6,7	0012345678910	0123456789
18	20154158	HOÀNG KIM LÂN	DH20OT			10	5,8	2,5	4,2	0012345678910	0123456789
19	20154159	NGUYỄN CÔNG LINH	DH20OT			8,0	6,1	3,0	4,4	0012345678910	0123456789
20	20154166	NGUYỄN VĂN MINH	DH20OT			8,0	5,0	1,5	3,2	0012345678910	0123456789
21	20154168	ĐẬU PHƯƠNG NAM	DH20OT			8,0	6,0	2,4	4,0	0012345678910	0123456789
22	20154170	TRẦN THANH NAM	DH20OT			10	5,4	3,0	4,4	0012345678910	0123456789
23	20154171	NGUYỄN TRỌNG NGHỊ	DH20OT			8,0	6,0	3,5	4,7	0012345678910	0123456789
24	20154176	PHẠM TRỌNG CÔNG NGHĨA	DH20OT			10	5,9	1,5	3,7	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày 15 Tháng 02 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____ Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Trần Thị Kiều Hạnh

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày in : 24/01/2022



Mã nhận dạng 16121

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH200T_05**

Tổ Thi **003_DH200T_05**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **17/01/2022**

Giờ Thi **10:30**

Phòng Thi **RD406**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	20154049	PHẠM NGỌC ĐIỂM QUỲNH	DH200T			10	7,7	6,5	7,2	0012345678910	0123456789
2	20154055	HUỲNH THANH TÂM	DH200T			10	5,0	4,0	4,9	0012345678910	0123456789
3	20154172	TRẦN TRUNG NGHỊ	DH200T			8,0	4,8	1,5	3,1	0012345678910	0123456789
4	20154173	BÙI TÁ NGHĨA	DH200T			8,0	5,0	2,0	3,5	0012345678910	0123456789
5	20154174	NGUYỄN TIỀN NGHĨA	DH200T			8,0	7,3	3,3	5,0	0012345678910	0123456789
6	20154183	CAO NGUYỄN THÀNH PHÁT	DH200T			10	0	2,5	2,5	0012345678910	0123456789
7	20154194	NGUYỄN DIỆU PHỤNG	DH200T	vắng						0012345678910	0123456789
8	20154195	PHÙNG THANH PHƯỚC	DH200T			10	5,4	3,0	4,4	0012345678910	0123456789
9	20154196	NGUYỄN HOÀI PHƯƠNG	DH200T			6,0	4,3	3,5	4,0	0012345678910	0123456789
10	20154197	ĐỖ ANH QUÂN	DH200T			10	6,0	2,0	4,0	0012345678910	0123456789
11	20154198	ĐỖ HOÀNG QUÂN	DH200T			8,0	6,7	2,0	4,0	0012345678910	0123456789
12	20154200	NGUYỄN MẠNH QUÂN	DH200T			8,0	0	1,0	1,4	0012345678910	0123456789
13	20154210	NGUYỄN ĐỖ HỮU SANG	DH200T			8,0	7,0	1,5	3,8	0012345678910	0123456789
14	20154218	NGUYỄN QUANG THÀNH	DH200T			8,0	6,7	4,0	5,2	0012345678910	0123456789
15	20154219	NGUYỄN TIỀN THẠNH	DH200T			10	6,5	1,0	3,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16121

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH20OT_05**

Tổ Thi **003_DH20OT_05**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **17/01/2022**

Giờ Thi **10:30**

Phòng Thi **RD406**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày 15 Tháng 01 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

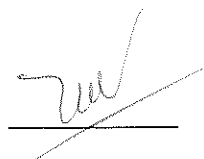
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____


Trưởng Ban Giám sát


Nguyễn Thị Kiều Hạnh



Mã nhận dạng 16122

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH200T_05**

Tổ Thi **004_DH200T_05**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **17/01/2022**

Giờ Thi **10:30**

Phòng Thi **RD404**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	20154062	HUỖNH MINH THÔNG	DH200T			10	7,0	3,0	4,9	0012345678910	0123456789
2	20154075	NGUYỄN TUẤN VŨ	DH200T			10	6,5	2,0	4,2	0012345678910	0123456789
3	20154222	PHAN HỮU THIÊN	DH200T			10	6,4	4,5	5,6	0012345678910	0123456789
4	20154224	CHAU CHANH THU	DH200T			10	7,8	5,0	6,3	0012345678910	0123456789
5	20154226	NGUYỄN ĐẶNG TIÊN	DH200T			10	6,6	4,0	5,4	0012345678910	0123456789
6	20154228	HÀ HỮU TỊNH	DH200T			10	6,8	4,5	5,7	0012345678910	0123456789
7	20154231	NGUYỄN HỮU TRÍ	DH200T			10	7,6	3,5	7,8	0012345678910	0123456789
8	20154232	PHẠM MINH TRÍ	DH200T			10	7,9	3,0	5,2	0012345678910	0123456789
9	20154234	ĐẶNG BÌNH TRIỆU	DH200T			8,0	6,3	2,5	4,2	0012345678910	0123456789
10	20154235	NGUYỄN HỒ QUỐC TRUNG	DH200T			8,0	9	2,0	2,0	0012345678910	0123456789
11	20154237	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	DH200T			10	7,3	7,0	7,4	0012345678910	0123456789
12	20154238	LÊ HOÀNG TUẤN	DH200T			10	6,5	6,0	6,6	0012345678910	0123456789
13	20154239	PHẠM MINH TUẤN	DH200T			10	6,5	5,0	6,0	0012345678910	0123456789
14	20154240	TRẦN NHẬT TUẤN	DH200T			9	9	2,0	1,2	0012345678910	0123456789
15	20154241	TRƯƠNG QUANG TUẤN	DH200T			10	6,3	3,0	4,7	0012345678910	0123456789
16	20154242	CAO TRỌNG VĂN	DH200T			10	6,4	3,5	5,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16122

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH20OT_05**

Tổ Thi **004_DH20OT_05**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **17/01/2022**

Giờ Thi **10:30**

Phòng Thi **RD404**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày 15 Tháng 01 Năm 2022

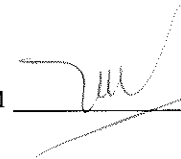
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____ Cán Bộ Chấm Thi 2 _____


Nguyễn Quang Trọng


Nguyễn Thị Kiều Hạnh



Mã nhận dạng 16123

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH200T_06**

Tổ Thi **001_DH200T_06**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **17/01/2022**

Giờ Thi **10:30**

Phòng Thi **RD205**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118020	Nguyễn Đoàn Công Chiến	DH19CC			10	70	4,8	6,0	0012345678910	0123456789
2	19118032	Trần Tiến Đạo	DH19CC			10	70	4,0	5,5	0012345678910	0123456789
3	20118162	NGUYỄN VÕ XUÂN HIẾU	DH20CC			10	50	1,5	3,4	0012345678910	0123456789
4	20118165	TRẦN VĂN HIẾU	DH20CC			10	63	2,0	4,1	0012345678910	0123456789
5	20118169	NGUYỄN VĂN HÙNG	DH20CK			10	52	1,5	3,5	0012345678910	0123456789
6	20153072	ĐỖ MẠNH DŨNG	DH20CD			10	70	5,5	6,4	0012345678910	0123456789
7	20153079	HOÀNG TRỌNG HÒA	DH20CD			10	75	7,5	7,8	0012345678910	0123456789
8	20154005	NGUYỄN TUẤN ANH	DH200T			10	32	2,0	3,2	0012345678910	0123456789
9	20154022	HỒ HOÀNG HẢO	DH200T			10	73	2,5	4,7	0012345678910	0123456789
10	20154080	LÊ TUẤN ANH	DH200T			10	70	3,0	4,9	0012345678910	0123456789
11	20154082	NGUYỄN PHÚC HOÀNG ANH	DH200T	vắng						0012345678910	0123456789
12	20154086	NGUYỄN TRẦN NHẬT BẢO	DH200T			10	25	7,0	6,0	0012345678910	0123456789
13	20154087	ABDUL BARI	DH200T			10	26	1,5	2,7	0012345678910	0123456789
14	20154088	LƯU VĂN BÌNH	DH200T			10	67	4,0	5,4	0012345678910	0123456789
15	20154089	PHẠM THÁI BÌNH	DH200T			10	28	4,5	4,5	0012345678910	0123456789
16	20154091	NGUYỄN QUỐC CÔNG	DH200T			10	31	2,0	3,1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16123

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH200T_06**

Tổ Thi **001_DH200T_06**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **17/01/2022**

Giờ Thi **10:30**

Phòng Thi **RD205**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20154092	NGUYỄN THÀNH CÔNG	DH200T	<i>vắng</i>						● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	20154093	HỒ CHÍ CƯỜNG	DH200T			10	6,0	6,0	6,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	20154101	PHẠM ĐÌNH THÀNH ĐẠT	DH200T			8,0	7,1	4,6	5,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	20154105	NGUYỄN TRỌNG ĐỨC	DH200T			10	6,6	6,5	6,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	20154112	HUỖNH KHÁNH DUY	DH200T	<i>vắng</i>						● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	20154124	PHẠM NGUYỄN QUỐC HẬU	DH200T			10	7,1	5,0	6,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	20154134	NGUYỄN VÔ HUY HOÀNG	DH200T	<i>vắng</i>						● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	20154137	PHAN QUÝ HÙNG	DH200T			8,0	5,0	1,5	3,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày 15 Tháng 02 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____ Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Phạm Quang Trọng

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày in : 24/01/2022



Mã nhận dạng 16124

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH20OT_06**

Tổ Thi **002_DH20OT_06**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **17/01/2022**

Giờ Thi **10:30**

Phòng Thi **RD306**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 50 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118087	Đỗ Quốc Huy	DH19CC			6,0	7,8	1,3	3,7	0012345678910	0123456789
2	19118131	Lê Hoàng Long	DH19CC			8,0	8,0	7,0	7,4	0012345678910	0123456789
3	19154107	Đinh Minh Nhật	DH19OT			10	8,0	5,0	6,4	0012345678910	0123456789
4	20118192	TRẦN DANH	LỢI			10	6,5	10	3,6	0012345678910	0123456789
5	20118223	PHAN KIM	PHÁT			8,0	6,1	10	3,2	0012345678910	0123456789
6	20120077	ĐINH CÔNG ĐẠI	PHÁT			8,0	6,6	4,0	5,2	0012345678910	0123456789
7	20153091	NGUYỄN ĐÌNH	KHIÊM			10	6,3	7,0	7,1	0012345678910	0123456789
8	20153107	HỒ GIA	PHONG	vắng						0012345678910	0123456789
9	20154139	TRẦN HỮU	HUNG			6,0	6,0	5,0	5,4	0012345678910	0123456789
10	20154140	BÙI THANH	HUY			8,0	5,6	2,0	3,7	0012345678910	0123456789
11	20154142	NGUYỄN VŨ NHẬT	HUY			10	5,0	2,5	4,0	0012345678910	0123456789
12	20154144	TRẦN GIA	HUY			10	6,3	4,0	5,3	0012345678910	0123456789
13	20154149	HOÀNG LÊ MINH	KHÁNH			10	7,0	4,0	5,5	0012345678910	0123456789
14	20154150	NGUYỄN HOÀNG BẢO	KHÁNH			10	2	2,0	2,2	0012345678910	0123456789
15	20154160	TRẦN NGỌC	LINH			10	5,0	2,5	4,0	0012345678910	0123456789
16	20154164	NGUYỄN CÔNG	LÝ	vắng						0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16124

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH20OT_06**

Tổ Thi **002_DH20OT_06**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **17/01/2022**

Giờ Thi **10:30**

Phòng Thi **RD306**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20154165	NGUYỄN TIẾN MẠNH	DH20OT			10	6,3	6,5	6,8	0012345678910	0123456789
18	20154169	NGUYỄN THÀNH NAM	DH20OT	vắng						0012345678910	0123456789
19	20154175	NGUYỄN TRUNG NGHĨA	DH20OT			10	7,0	6,0	6,7	0012345678910	0123456789
20	20154179	TRƯƠNG QUỐC NGUYỄN	DH20OT			10	7,3	6,5	7,1	0012345678910	0123456789
21	20154181	PHẠM HOÀNG NHÂN	DH20OT			10	6,5	3,0	4,8	0012345678910	0123456789
22	20154186	VŨ THỊNH PHÁT	DH20OT			10	6,2	6,5	6,8	0012345678910	0123456789
23	20154187	ÂU THIÊN PHÚ	DH20OT			10	6,0	2,0	4,0	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày 15 Tháng 02 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Trưởng Bộ môn/Khoa

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày in : 24/01/2022



Mã nhận dạng 16125

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH20OT_06**

Tổ Thi **003_DH20OT_06**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **17/01/2022**

Giờ Thi **10:30**

Phòng Thi **RD304**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	20137110	ĐÌNH VĂN QUÝ	DH20NL			6,0	7,0	2,5	4,2	0012345678910	0123456789
2	20153113	LÊ VĂN PHÚC	DH20CD			8,0	5,5	2,5	4,0	0012345678910	0123456789
3	20154188	CAO QUAN PHÚ	DH20OT			10	6,5	3,0	4,8	0012345678910	0123456789
4	20154189	CAO THẾ PHÚ	DH20OT			10	6,0	2,0	4,0	0012345678910	0123456789
5	20154191	NGUYỄN HOÀNG PHÚC	DH20OT			10	7,0	3,0	4,9	0012345678910	0123456789
6	20154193	THÁI TRẦN HỒNG PHÚC	DH20OT			10	6,0	2,0	4,0	0012345678910	0123456789
7	20154201	HUỖNH NGỌC QUANG	DH20OT			10	8,5	6,0	7,2	0012345678910	0123456789
8	20154202	NGUYỄN THẾ QUANG	DH20OT	<i>vắng</i>						0012345678910	0123456789
9	20154203	HỒ VĂN NGỌC QUÍ	DH20OT			10	7,5	6,0	6,9	0012345678910	0123456789
10	20154205	TRẦN HỮU QUỐC	DH20OT			2	3,0	3,0	2,7	0012345678910	0123456789
11	20154206	HUỖNH AN QUYÊN	DH20OT			10	8,5	3,0	5,4	0012345678910	0123456789
12	20154207	NGUYỄN THẾ QUYÊN	DH20OT			6,0	7,2	2,0	4,0	0012345678910	0123456789
13	20154208	ĐÀO MINH QUYẾT	DH20OT			6,0	7,2	2,0	4,0	0012345678910	0123456789
14	20154209	TRẦN CHÍ QUYẾT	DH20OT			10	5,0	2,5	4,0	0012345678910	0123456789
15	20154211	NGUYỄN NGỌC PHÁT SANG	DH20OT	<i>vắng</i>						0012345678910	0123456789
16	20154212	NGUYỄN THANH SANG	DH20OT			6,0	6,2	2,5	4,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16125

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH20OT_06**

Tổ Thi **003_DH20OT_06**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **17/01/2022**

Giờ Thi **10:30**

Phòng Thi **RD304**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày 15 Tháng 01 Năm 2022

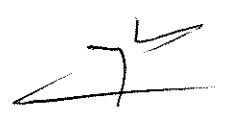
Cán bộ coi thi 1

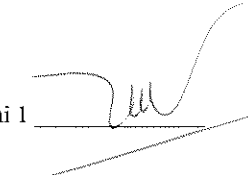
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____


Trưởng Ban Quản Lý


Nguyễn Thị Kiều Hạnh



Mã nhận dạng 16126

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH20OT_06**

Tổ Thi **004_DH20OT_06**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **17/01/2022**

Giờ Thi **10:30**

Phòng Thi **RD301**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118230	Nguyễn Thị Anh	Thư	DH19CC		10	8,0	7,0	7,6	0012345678910	0123456789
2	19154187	Nguyễn Hoàng	Văn	DH19OT		10	6,4	5,0	5,9	0012345678910	0123456789
3	20118242	TRẦN QUANG	SANG	DH20CC		8,0	0	1,0	1,4	0012345678910	0123456789
4	20118285	TRƯƠNG THANH	TÙNG	DH20CK		10	5,5	1,5	3,6	0012345678910	0123456789
5	20118289	NGUYỄN XUÂN	VINH	DH20CK		8,0	6,0	0,5	2,9	0012345678910	0123456789
6	20153125	HỒ VĂN	THỊNH	DH20CD	vắng					0012345678910	0123456789
7	20154213	NGUYỄN TIẾN	SĨ	DH20OT		10	7,0	5,0	6,1	0012345678910	0123456789
8	20154214	TRẦN TÂN	TÀI	DH20OT	vắng					0012345678910	0123456789
9	20154220	NGUYỄN HOÀNG	THIỆN	DH20OT		8,0	7,0	4,0	5,3	0012345678910	0123456789
10	20154221	NGUYỄN THANH	THIỆN	DH20OT		10	6,3	5,5	6,2	0012345678910	0123456789
11	20154225	NGUYỄN BẢO	THUẬN	DH20OT	vắng					0012345678910	0123456789
12	20154227	NGUYỄN BẢO	TÍN	DH20OT	vắng					0012345678910	0123456789
13	20154229	NGUYỄN QUỐC	TRÃI	DH20OT		10	7,8	4,0	5,7	0012345678910	0123456789
14	20154230	NGUYỄN HỮU	TRÍ	DH20OT		0	2,6	2,0	2,0	0012345678910	0123456789
15	20154233	ĐỖ NGỌC	TRIẾT	DH20OT		6,0	6,7	3,5	4,7	0012345678910	0123456789
16	20154236	BÙI VĂN	TRƯỜNG	DH20OT		10	5,0	1,5	3,4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16126

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 2(207139)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH20OT_06**

Tổ Thi **004_DH20OT_06**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **17/01/2022**

Giờ Thi **10:30**

Phòng Thi **RD301**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày 15 Tháng 02 Năm 2022

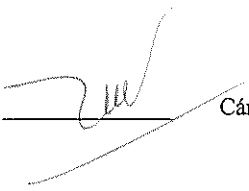
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____ Cán Bộ Chấm Thi 2 _____


Trương Quang Triết


Nguyễn Thị Kiều Hạnh



Mã nhận dạng 16127

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2071 40

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH20CC_01

Tổ Thi 001_DH20CC_01

Tên CBGD

Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/01/2022

Giờ Thi 08:00

Phòng Thi

RD501(622)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 25%	Đ2 15%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118052	Bùi Thanh Lâm	DH17CK			2,5	1,5	2,5	6,5	0012345678910	0123456789
2	17153043	Lâm Vũ Long	DH17CD			2,25	1,0	3,25	6,5	0012345678910	0123456789
3	18118035	Thái Hoàng Duy	DH18CK			2,0	1,5	4,5	8,0	0012345678910	0123456789
4	18118060	Trần Bá Khoa	DH18CK			2,0	1,0	3,0	6,0	0012345678910	0123456789
5	18137007	Đào Chí Cường	DH18NL			2,75	1,25	2,0	5,5	0012345678910	0123456789
6	18153005	Phan Chí Bảo	DH18CD			2,0	1,5	3,5	7,0	0012345678910	0123456789
7	19153017	Nguyễn Thanh Hải	DH19CD			2,0	0,3	2,0	4,3	0012345678910	0123456789
8	19154070	Phan Văn Khang	DH19OT			1,75	0,25	2,3	4,3	0012345678910	0123456789
9	20118019	NGUYỄN VÕ ANH Hào	DH20CC	(cấm thi)						0012345678910	0123456789
10	20118115	ĐINH THẾ ANH	DH20CC			2,0	0,25	1,75	4,0	0012345678910	0123456789
11	20118118	VÕ NGUYỄN VĂN HOÀI BẮC	DH20CC			1,5	0,0	2,5	4,0	0012345678910	0123456789
12	20118124	NGUYỄN QUỐC BÌNH	DH20CC			2,0	0,25	2,25	5,0	0012345678910	0123456789
13	20118132	NGUYỄN GIA ĐẠT	DH20CC			1,75	1,25	2,5	5,5	0012345678910	0123456789
14	20118138	NGUYỄN TUÂN DIỆU	DH20CC							0012345678910	0123456789
15	20118156	ĐẶNG CHÁNH HẬU	DH20CC			2,0	0,5	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
16	20118159	NGUYỄN ĐOÀN THANH HIỀN	DH20CK			2,0	0,75	1,75	4,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16127

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tính học & động lực học(2071 40

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH20CC_01

Tổ Thi 001_DH20CC_01

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/01/2022

Giờ Thi 08:00

Phòng Thi RD501

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20118161	NGUYỄN MINH HIÊU	DH20CC			20	0,0	2,8	4,8	0012345678910	0123456789
18	20118169	NGUYỄN VĂN HÙNG	DH20CK			17,5	0,25	3,0	5,0	0012345678910	0123456789
19	20118184	VÕ VIỆT KHIÊM	DH20CC			20	0,25	1,75	4,0	0012345678910	0123456789
20	20118186	TRẦN VĂN KIÊN	DH20CC			20	0,25	1,75	4,0	0012345678910	0123456789
21	20118189	NGÔ HÀ NHẬT	DH20CC			2,0	0,0	0,5	2,5	0012345678910	0123456789
22	20118193	ĐẶNG NGỌC LONG	DH20CC			20	0,25	1,75	4,0	0012345678910	0123456789
23	20152008	NGUYỄN GIA HUY	DH20CC			20	0,3	2,0	4,3	0012345678910	0123456789
24	20154121	TRƯƠNG VĂN HÀO	DH20OT							0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Vương Quang Tuấn

TS. Vương Thành Tiên

Ngày in : 24/01/2022



Mã nhận dạng 16128

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tính học & động lực học(2071 40

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH20CC_01

Tổ Thi 002_DH20CC_01

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/01/2022

Giờ Thi 08:00

Phòng Thi RD201

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	15118065	Nguyễn Trúc Minh	DH15CC			2,0	0,5	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
2	17118066	Hoàng Trung Nguyên	DH17CK			2,0	0,25	2,25	5,0	0012345678910	0123456789
3	18153062	Nguyễn Ngọc Quỳnh	DH18CD			0,5	1,3	1,5	3,3	0012345678910	0123456789
4	19118201	Nguyễn Tuấn Tài	DH19CC			1,0	0,5	2,8	4,3	0012345678910	0123456789
5	20118054	VÕ DUY PHƯƠNG	DH20CC			2,0	0,0	2,0	4,0	0012345678910	0123456789
6	20118059	NGÔ HOÀNG TÂM	DH20CC			2,0	1,0	3,0	5,0	0012345678910	0123456789
7	20118196	NGUYỄN MINH MÃN	DH20CC							0012345678910	0123456789
8	20118206	PHAN TRỌNG NGHĨA	DH20CC							0012345678910	0123456789
9	20118216	THIỆN HOÀNG NHẬT	DH20CC			2,25	0,0	2,25	4,0	0012345678910	0123456789
10	20118218	VÕ THÀNH PHÁP	DH20CC			1,0	0,0	0,3	1,3	0012345678910	0123456789
11	20118220	ĐỖ MINH PHÁT	DH20CC			2,5	0,5	1,5	4,5	0012345678910	0123456789
12	20118229	MAI TRỌNG PHÚ	DH20CC			1,0	0,0	2,5	3,5	0012345678910	0123456789
13	20118230	UNG A PHÚ	DH20CC	(cấm thi)						0012345678910	0123456789
14	20118231	ĐẶNG PHƯỚC HOÀI PHÚC	DH20CC							0012345678910	0123456789
15	20118234	TRẦN HÙNG PHỤNG	DH20CC			2,0	1,25	3,25	6,5	0012345678910	0123456789
16	20118242	TRẦN QUANG SANG	DH20CC			2,25	0,0	2,25	4,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16128

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tính học & động lực học(2071 40

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH20CC_01

Tổ Thi 002_DH20CC_01

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/01/2022

Giờ Thi 08:00

Phòng Thi RD201

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20118244	NGUYỄN TÂN HOÀNG TÀI	DH20CC			1,0	1,0	3,5	5,5	0012345678910	0123456789
18	20118246	ĐOÀN VĂN TÂM	DH20CC			2,0	0,75	3,25	6,0	0012345678910	0123456789
19	20118251	LÊ NGUYỄN VĂN THÁI	DH20CC			1,0	0,0	2,0	3,0	0012345678910	0123456789
20	20154195	PHÙNG THANH PHƯỚC	DH20OT			2,0	0,5	2,5	6,0	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

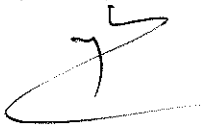
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____


Vương Quang Cường


Vương Thành Tiên

Ngày in : 24/01/2022



Mã nhận dạng 16129

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(207140)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH20CC_01

Tổ Thi 003_DH20CC_01

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/01/2022

Giờ Thi 08:00

Phòng Thi RD503

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	13115475	Trương Xuân Vinh	DH13CB			2,5	0,5	2,5	5,5	0012345678910	0123456789
2	14118293	Lê Văn Trùng	DH14CK			1,0	0,0	3,0	4,0	0012345678910	0123456789
3	18118129	Phan Quốc Thái	DH18CC			1,8	1,25	2,75	5,8	0012345678910	0123456789
4	18118137	Nguyễn Hoàng Thế	DH18CC			2,0	1,5	2,3	5,8	0012345678910	0123456789
5	18118155	Nguyễn Phát Tín	DH18CC			2,25	1,5	2,75	6,5	0012345678910	0123456789
6	18118169	Nguyễn Xuân Trường	DH18CK			2,5	1,5	3,0	7,0	0012345678910	0123456789
7	18118178	Nguyễn Thanh Tùng	DH18CC			1,75	1,5	3,25	6,5	0012345678910	0123456789
8	18118183	Nguyễn Hồ Phú Vinh	DH18CC			2,75	1,25	3,0	6,5	0012345678910	0123456789
9	18118184	Tô Đức Vinh	DH18CK			2,0	1,3	3,0	6,3	0012345678910	0123456789
10	18153082	Hà Minh Tùng	DH18CD			1,75	1,25	3,5	6,5	0012345678910	0123456789
11	19154169	Nguyễn Trọng Tính	DH19OT			1,0	0,3	2,0	3,3	0012345678910	0123456789
12	19154171	Lý Ngọc Toàn	DH19OT			2,25	0,75	3,0	6,0	0012345678910	0123456789
13	20118253	NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	DH20CC			1,0	0,0	1,8	2,8	0012345678910	0123456789
14	20118254	NGUYỄN MINH THẮNG	DH20CC			2,25	0,0	3,25	5,5	0012345678910	0123456789
15	20118262	LƯU CHÍ THÔNG	DH20CC			2,25	0,0	1,75	4,0	0012345678910	0123456789
16	20118265	ĐẶNG VĂN THUẬN	DH20CC			2,0	0,3	3,5	5,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16129

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2071 40

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH20CC_01

Tổ Thi 003_DH20CC_01

Tên CBGD

Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/01/2022

Giờ Thi 08:00

Phòng Thi

RD503

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20118267	NGUYỄN HỮU THƯỜNG	DH20CC	(Cầm thi)						0012345678910	0123456789
18	20118268	NGUYỄN HOÀNG TIỀN	DH20CC			2,0	0,5	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
19	20118270	HUỖNH QUỐC TOÀN	DH20CC			2,25	0,0	1,75	4,0	0012345678910	0123456789
20	20118280	DƯƠNG MINH TÚ	DH20CC	(Cầm thi)						0012345678910	0123456789
21	20118282	NGUYỄN ĐẶNG MINH TUẤN	DH20CC			2,5	0,0	2,5	5,0	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày 18 Tháng 02 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Vương Quang Tuấn

TS. Nguyễn Thành Tiên



Mã nhận dạng 16130

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2071 40

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH20CD_02

Tổ Thi 001_DH20CD_02

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/01/2022

Giờ Thi 08:00

Phòng Thi RD202(602)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 25%	Đ2 15%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18153002	Trương Quốc Anh	DH18CD			1,5	0,5	3,5	5,5	0012345678910	0123456789
2	18153014	Bùi Hữu Đức	DH18CD			1,5	0,8	2,0	4,3	0012345678910	0123456789
3	18153015	Đỗ Trung Dương	DH18CD			2,25	1,25	2,5	6,0	0012345678910	0123456789
4	20118162	NGUYỄN VÕ XUÂN HIẾU	DH20CC			2,25	0,0	2,25	4,5	0012345678910	0123456789
5	20118165	TRẦN VĂN HIẾU	DH20CC			2,0	0,0	2,3	4,3	0012345678910	0123456789
6	20153003	NGUYỄN KHÁNH BÌNH	DH20CD			2,0	0,0	2,3	4,3	0012345678910	0123456789
7	20153054	TRƯƠNG LÊ HOÀI AN	DH20CD			2,0	1,0	4,0	7,0	0012345678910	0123456789
8	20153056	TRẦN HUỖNH QUỐC BẢO	DH20CD			1,75	0,0	2,25	4,0	0012345678910	0123456789
9	20153057	VƯƠNG TRẦN GIA BẢO	DH20CD			2,0	0,8	2,5	5,3	0012345678910	0123456789
10	20153059	LÊ TRƯỜNG CHINH	DH20CD			2,0	0,0	2,0	4,0	0012345678910	0123456789
11	20153060	PHẠM HẢI ĐĂNG	DH20CD			2,3	0,5	2,0	4,8	0012345678910	0123456789
12	20153061	MA VĂN DANH	DH20CD			2,0	0,8	3,0	5,8	0012345678910	0123456789
13	20153062	VÕ VĂN ĐẠO	DH20CD			2,3	1,0	3,0	6,3	0012345678910	0123456789
14	20153063	NGUYỄN NHẬT THÀNH ĐẠT	DH20CD			1,8	0,0	2,5	4,3	0012345678910	0123456789
15	20153065	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	DH20CD			1,75	0,25	2,8	4,8	0012345678910	0123456789
16	20153067	NGUYỄN TIỀN ĐẠT	DH20CD			2,0	0,0	2,3	3,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16130

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(207140)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH20CD_02

Tổ Thi 001_DH20CD_02

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/01/2022

Giờ Thi 08:00

Phòng Thi RD202

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20153068	TRƯƠNG QUANG DENNI	DH20CD	(Chữ ký)						0012345678910	0123456789
18	20153069	NGUYỄN THÀNH ĐIỆN	DH20CD			2,0	0,0	2,3	4,3	0012345678910	0123456789
19	20153070	NGUYỄN NGỌC ĐÌNH	DH20CD			2,0	0,0	1,5	3,5	0012345678910	0123456789
20	20153071	VŨ A	DH20CD			2,25	0,0	1,75	4,0	0012345678910	0123456789
21	20153072	ĐỖ MẠNH DŨNG	DH20CD			1,75	0,75	3,0	5,5	0012345678910	0123456789
22	20153073	NGUYỄN PHƯƠNG DUY	DH20CD			2,0	0,5	2,5	5,0	0012345678910	0123456789
23	20153075	NGUYỄN CHÍ HIẾU	DH20CD			2,5	0,0	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
24	20153076	NGUYỄN TRUNG HIẾU	DH20CD			2,5	1,0	3,5	7,0	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Trưởng Quang Tuấn

TS. Huỳnh Tiên



Mã nhận dạng 16131

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2071 40

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH20CD_02

Tổ Thi 002_DH20CD_02

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/01/2022

Giờ Thi 08:00

Phòng Thi RD101

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118077	Thét Chù Long	DH18CC			2,0	0,75	2,75	5,5	0012345678910	0123456789
2	20118192	TRẦN DANH LỢI	DH20CC			2,0	0,0	2,0	4,0	0012345678910	0123456789
3	20153016	ĐỖ MINH KHOA	DH20CD							0012345678910	0123456789
4	20153053	HOÀNG HOÀI NAM	DH20CD			2,0	0,75	2,75	5,5	0012345678910	0123456789
5	20153078	VÕ MINH HIẾU	DH20CD	(Hiện diện - 10 giờ nộp bài)						0012345678910	0123456789
6	20153079	HOÀNG TRỌNG HÒA	DH20CD			2,0	1,5	3,5	7,0	0012345678910	0123456789
7	20153080	ĐOÀN HUY HOÀNG	DH20CD			2,0	0,5	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
8	20153081	VŨ ĐÌNH HOÀNG	DH20CD			1,75	0,0	1,75	4,0	0012345678910	0123456789
9	20153082	NGUYỄN THANH HON	DH20CD			2,0	0,75	2,75	6,5	0012345678910	0123456789
10	20153083	TRỊNH PHI HỒNG	DH20CD			2,0	0,0	2,0	4,8	0012345678910	0123456789
11	20153084	VÕ PHI HÙNG	DH20CD			2,0	0,25	2,25	4,5	0012345678910	0123456789
12	20153087	HỒ GIA HUY	DH20CD			2,0	0,75	1,75	4,0	0012345678910	0123456789
13	20153088	LÝ QUỐC HUY	DH20CD			1,0	0,0	1,5	2,5	0012345678910	0123456789
14	20153089	TRƯƠNG NGÔ MINH HUY	DH20CD			2,0	0,0	2,0	4,5	0012345678910	0123456789
15	20153092	NGUYỄN EM HOÀNG KHOA	DH20CD			2,0	0,3	3,0	5,3	0012345678910	0123456789
16	20153093	NGUYỄN TRUNG KIÊN	DH20CD			1,8	1,0	2,0	4,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16131

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tính học & động lực học(2071 40

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH20CD_02

Tổ Thi 002_DH20CD_02

Tên CBGD

Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/01/2022

Giờ Thi 08:00

Phòng Thi

RD101

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20153094	NGUYỄN ANH KIẾT	DH20CD			2,25	0,0	2,25	4,5	0012345678910	0123456789
18	20153095	NGUYỄN TRẦN NHẬT LINH	DH20CD			1,0	0,0	1,8	2,8	0012345678910	0123456789
19	20153097	NGUYỄN MINH LUÂN	DH20CD			2,0	0,0	2,3	4,3	0012345678910	0123456789
20	20153098	NGUYỄN MINH LUÂN	DH20CD			1,5	1,5	2,5	5,5	0012345678910	0123456789
21	20153099	NGUYỄN HỮU LÝ	DH20CD			2,0	0,25	1,75	4,0	0012345678910	0123456789
22	20153103	TRẦN THUYẾT MINH	DH20CD			1,25	0,25	0,0	2,0	0012345678910	0123456789
23	20153104	NGUYỄN HOÀI NAM	DH20CD			2,0	1,3	3,0	6,3	0012345678910	0123456789
24	20153106	LÊ THÀNH NHẬT	DH20CD			1,8	0,0	0,0	1,8	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

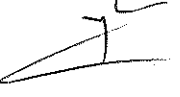
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____


Nguyễn Quang Trung


Vương Thành Tiên

Ngày in : 24/01/2022



Mã nhận dạng 16132

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2071 40

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH20CD_02

Tổ Thi 003_DH20CD_02

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/01/2022

Giờ Thi 08:00

Phòng Thi RD406

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 25%	Đ2 15%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18153058	Trần Minh Quang	DH18CD			2,25	1,25	3,0	6,5	0012345678910	0123456789
2	20118223	PHAN KIM PHÁT	DH20CK	(cán thi)						0012345678910	0123456789
3	20137110	ĐÌNH VĂN QUÝ	DH20NL			2,5	0,0	2,5	5,0	0012345678910	0123456789
4	20153031	VŨ ĐÌNH TÂN	DH20CD			2,0	0,0	1,5	3,5	0012345678910	0123456789
5	20153107	HỒ GIA PHONG	DH20CD							0012345678910	0123456789
6	20153108	TẠ CHIÊU PHONG	DH20CD			1,75	0,0	2,25	4,0	0012345678910	0123456789
7	20153109	TRẦN VINH PHÚ	DH20CD			1,75	0,5	3,75	6,0	0012345678910	0123456789
8	20153110	BÙI ĐỨC PHÚC	DH20CD			1,0	0,0	1,8	2,8	0012345678910	0123456789
9	20153112	ĐOÀN HOÀNG PHÚC	DH20CD			1,0	0,25	1,75	3,0	0012345678910	0123456789
10	20153113	LÊ VĂN PHÚC	DH20CD			2,0	0,0	2,0	4,0	0012345678910	0123456789
11	20153114	NGUYỄN TRẦN QUANG PHƯỚC	DH20CD			2,3	1,0	3,0	6,3	0012345678910	0123456789
12	20153116	PHẠM MẠNH QUỐC	DH20CD			1,8	0,0	2,5	4,3	0012345678910	0123456789
13	20153118	NGUYỄN VĂN TÂM	DH20CD			2,0	0,0	2,8	4,8	0012345678910	0123456789
14	20153119	TÔ THÀNH TÂN	DH20CD			2,0	0,0	3,3	5,3	0012345678910	0123456789
15	20153123	NGUYỄN NHẬT THI	DH20CD							0012345678910	0123456789
16	20153124	NHAN THANH THIÊN	DH20CD			1,25	0,0	2,25	3,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16132

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2071 40

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH20CD_02

Tổ Thi 003_DH20CD_02

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/01/2022

Giờ Thi 08:00

Phòng Thi RD406

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20153125	HỒ VĂN THỊNH	DH20CD			1,0	0,0	23	3,3	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

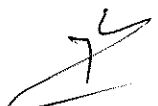
Cán bộ coi thi 1

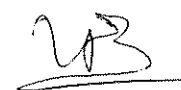
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____


Vương Thành Tiên


Vương Thành Tiên



Mã nhận dạng 16133

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tính học & động lực học(2071 40

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH20CD_02

Tổ Thi 004_DH20CD_02

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/01/2022

Giờ Thi 08:00

Phòng Thi RD404

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118114	Bùi Minh	Thượng	DH17CC		20	10	2,5	5,5	0012345678910	0123456789
2	17118123	Huỳnh Hữu	Trọng	DH17CC		20	13	2,0	5,3	0012345678910	0123456789
3	18153077	Nguyễn Minh	Trí	DH18CD		25	10	3,25	6,5	0012345678910	0123456789
4	18153078	Tô Trung	Trúc	DH18CD		20	3	1,0	3,3	0012345678910	0123456789
5	20153040	LỮ TRỌNG	TRƯỜNG	DH20CD		20	25	2,25	4,5	0012345678910	0123456789
6	20153042	PHẠM NHẬT	UY	DH20CD		20	10	1,5	3,5	0012345678910	0123456789
7	20153044	TRƯƠNG HẢI	VIỆT	DH20CD		20	5	3,0	5,5	0012345678910	0123456789
8	20153126	TRẦN TRƯƠNG MINH	THÔNG	DH20CD		20	10	3,0	5,0	0012345678910	0123456789
9	20153128	NGUYỄN XUÂN	TIỀN	DH20CD		20	25	1,25	4,0	0012345678910	0123456789
10	20153131	TRẦN NGUYỄN NHẬT	TRÀ	DH20CD						0012345678910	0123456789
11	20153132	NGUYỄN TÂN	TRUNG	DH20CD		20	25	2,25	5,0	0012345678910	0123456789
12	20153133	LƯƠNG ANH	TÚ	DH20CD		20	10	2,5	4,5	0012345678910	0123456789
13	20153134	TRIỆU ANH	TUẤN	DH20CD		20	10	2,0	4,0	0012345678910	0123456789
14	20153136	NGUYỄN THANH	TÙNG	DH20CD		20	25	1,25	4,0	0012345678910	0123456789
15	20153138	TRẦN TUẤN	VĨ	DH20CD		10	10	2,3	3,3	0012345678910	0123456789
16	20153139	LÊ HUỖNH CÔNG	VIỆT	DH20CD		20	25	1,25	4,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16133

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tính học & động lực học(2071) 40

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH20CD_02

Tổ Thi 004_DH20CD_02

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/01/2022

Giờ Thi 08:00

Phòng Thi RD404

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20153140	LÝ A VINH	DH20CD							0012345678910	0123456789
18	20153141	LÊ VŨ	DH20CD			20	50	20	40	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày 18 Tháng 01 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Vương Quý Vương

V. Vương Thành Tiên



Mã nhận dạng 16134

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2071 40)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH20CK_03**

Tổ Thi **001_DH20CK_03**

Tên CBGD **Vương Thành Tiên**

Ngày Thi **18/01/2022**

Giờ Thi **08:00**

Phòng Thi **RD205 (6.2)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 25%	Đ2 15%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118023	Nguyễn Tấn Diên	DH18CK	(Cầm thi)						0012345678910	0123456789
2	18137011	Nguyễn Thanh Đạt	DH18NL			2,25	1,25	4,5	8,0	0012345678910	0123456789
3	19154051	Lê Quang Hoàng	DH19OT			2,0	1,0	4,0	7,0	0012345678910	0123456789
4	20118011	ĐẶNG HỮU MINH DUY	DH20CK			2,0	1,0	4,8	4,8	0012345678910	0123456789
5	20118111	NGUYỄN DUY AN	DH20CK			1,75	0,5	2,25	4,5	0012345678910	0123456789
6	20118125	TRẦN THANH BÌNH	DH20CK			2,0	0,75	1,75	4,5	0012345678910	0123456789
7	20118128	NGÔ QUỐC CƯỜNG	DH20CK	✓						0012345678910	0123456789
8	20118130	TRẦN MINH ĐĂNG	DH20CK			1,75	0,5	2,25	4,5	0012345678910	0123456789
9	20118136	VÕ THÁI ĐẠT	DH20CK			1,75	0,25	1,3	3,3	0012345678910	0123456789
10	20118142	ĐỖ HOÀNG ĐỨC	DH20CK			0,5	0,5	2,0	3,0	0012345678910	0123456789
11	20118143	NGUYỄN ANH ĐỨC	DH20CK	(Cầm thi)						0012345678910	0123456789
12	20118144	PHẠM MINH ĐỨC	DH20CK			1,5	1,0	1,8	4,3	0012345678910	0123456789
13	20118146	MA TRỌNG DŨNG	DH20CK	(Cầm thi)						0012345678910	0123456789
14	20118147	NGUYỄN TÂN DŨNG	DH20CK			2,0	0,5	2,5	5,0	0012345678910	0123456789
15	20118149	NGUYỄN VĂN DUY	DH20CK			2,0	0,75	2,3	4,8	0012345678910	0123456789
16	20118150	PHẠM HOÀNG ĐÔNG DUY	DH20CK			1,25	0,25	2,3	4,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16134

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2071 40

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH20CK_03

Tổ Thi 001_DH20CK_03

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/01/2022

Giờ Thi 08:00

Phòng Thi RD205

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20118154	NGUYỄN XUÂN HẢI	DH20CK			2,0	0,5	2,3	4,8	0012345678910	0123456789
18	20118158	BÙI VINH HIỀN	DH20CC			2,0	0,5	2,5	5,0	0012345678910	0123456789
19	20118160	NGUYỄN MINH HIẾU	DH20CK			0,75	0,25	2,5	5,0	0012345678910	0123456789
20	20118164	TRẦN TRUNG HIẾU	DH20CK			1,5	0,5	2,3	4,3	0012345678910	0123456789
21	20118166	LÂM LONG HỒ	DH20CK			2,0	0,75	1,25	4,5	0012345678910	0123456789
22	20118172	NGUYỄN BÁ HUY	DH20CK			1,5	0,15	2,15	4,0	0012345678910	0123456789
23	20118173	NGUYỄN MẠNH HUY	DH20CK			2,0	0,3	2,0	4,3	0012345678910	0123456789
24	20118175	PHAN LÊ NGỌC HUY	DH20CK			2,0	0,75	2,25	5,0	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Vương Quang Tuấn

Vương Thành Tiên

Ngày in : 24/01/2022



Mã nhận dạng 16135

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2071 40**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH20CK_03**

Tổ Thi **002_DH20CK_03**

Tên CBGD **Vương Thành Tiên**

Ngày Thi **18/01/2022**

Giờ Thi **08:00**

Phòng Thi **RD306**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 25%	Đ2 15%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	16118102	Phạm Nhựt Minh	DH16CK			2,0	0,25	2,25	5,0	0012345678910	0123456789
2	17118064	Phan Trọng Nghĩa	DH17CK			1,0	0,10	1,10	4,5	0012345678910	0123456789
3	17154046	Trần Duy Khoa	DH17OT			1,5	1,0	2,5	7,8	0012345678910	0123456789
4	18118071	Huỳnh Quốc Long	DH18CK			2,0	0,5	2,5	5,8	0012345678910	0123456789
5	18137028	Cao Tấn Nam	DH18NL			2,0	0,25	2,25	6,0	0012345678910	0123456789
6	18137029	Nguyễn Huỳnh Nam	DH18NL			2,0	0,5	2,5	5,8	0012345678910	0123456789
7	18154089	Đoàn Minh Nhựt	DH18OT			2,0	0,25	2,25	6,0	0012345678910	0123456789
8	19118101	Lê Duy Kha	DH19CC			2,0	0,5	2,5	6,0	0012345678910	0123456789
9	20118033	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	DH20CK			0,75	0,25	1,0	3,5	0012345678910	0123456789
10	20118170	NGUYỄN BÌNH HUNG	DH20CK			1,5	0,5	2,0	4,5	0012345678910	0123456789
11	20118176	VÕ ĐỨC PHÁT HUY	DH20CK			2,0	0,5	2,5	5,0	0012345678910	0123456789
12	20118181	NGUYỄN HOÀNG KHANG	DH20CK			2,0	0,25	2,25	5,0	0012345678910	0123456789
13	20118182	LÊ MINH KHANH	DH20CK			0,5	0,5	1,0	3,5	0012345678910	0123456789
14	20118187	TRẦN TUẤN KIẾT	DH20CK			2,0	0,5	2,5	4,8	0012345678910	0123456789
15	20118194	NGUYỄN MINH PHI LONG	DH20CK							0012345678910	0123456789
16	20118195	HỒ QUANG LUÝT	DH20CK			1,75	0,25	2,0	3,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16135

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2071 40

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH20CK_03

Tổ Thi 002_DH20CK_03

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/01/2022

Giờ Thi 08:00

Phòng Thi RD306

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20118197	VŨ TRƯỜNG MẠNH	DH20CK							0012345678910	0123456789
18	20118207	TRẦN MINH NGHĨA	DH20CK			2,0	1,0	2,0	5,0	0012345678910	0123456789
19	20118209	TRẦN THÁI NGỌC	DH20CK			2,0	0,5	2,5	5,0	0012345678910	0123456789
20	20118210	ĐÀO NGUYỄN TRUNG NGUYỄN	DH20CK			1,75	0,5	2,25	4,5	0012345678910	0123456789
21	20118211	ĐÌNH THANH NHÃ	DH20CK							0012345678910	0123456789
22	20118212	LÊ THANH NHÀN	DH20CK			2,0	1,0	2,0	5,0	0012345678910	0123456789
23	20118214	NGUYỄN LÊ TRỌNG NHÂN	DH20CK			1,5	0,5	0,0	2,0	0012345678910	0123456789
24	20118215	PHAN VĂN NHẬT	DH20CK			2,0	0,5	1,5	4,0	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Vương Quang Phước

V.S. Vương Thành Tiên

Ngày in : 24/01/2022



Mã nhận dạng 16136

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2071 40**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH20CK_03**

Tổ Thi **003_DH20CK_03**

Tên CBGD **Vương Thành Tiên**

Ngày Thi **18/01/2022**

Giờ Thi **08:00**

Phòng Thi **RD304**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 5%	Đ2 15%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18137031	Nguyễn Thành Phát	DH18NL			2,0	1,5	5,0	8,5	0012345678910	0123456789
2	18137032	Nguyễn Thành Phát	DH18NL			2,0	1,0	2,5	5,5	0012345678910	0123456789
3	18137037	Phan Hữu Quý	DH18NL			2,0	1,0	5,5	8,5	0012345678910	0123456789
4	18153064	Đoàn Văn Tân	DH18CD			2,0	0,5	3,5	6,0	0012345678910	0123456789
5	20118107	PHẠM ĐÌNH PHÚC	DH20CK			1,25	0,75	0,5	3,0	0012345678910	0123456789
6	20118222	DƯƠNG TUẤN PHÁT	DH20CK			2,0	1,5	2,0	5,5	0012345678910	0123456789
7	20118224	PHAN THÀNH PHÁT	DH20CK			2,0	0,5	2,5	5,0	0012345678910	0123456789
8	20118225	TRẦN NHẬT PHÁT	DH20CK			1,0	0,8	2,5	4,3	0012345678910	0123456789
9	20118227	ĐỖ THÀNH PHONG	DH20CK							0012345678910	0123456789
10	20118232	HUỖNH TRỌNG PHÚC	DH20CC			2,0	0,5	2,5	5,0	0012345678910	0123456789
11	20118235	VÕ HOÀI PHƯƠNG	DH20CK			2,0	1,0	3,5	6,5	0012345678910	0123456789
12	20118243	ĐỖ ĐỨC TÀI	DH20CK			2,5	1,0	1,0	4,5	0012345678910	0123456789
13	20118245	TRẦN MINH TÀI	DH20CK			1,5	0,0	2,0	3,5	0012345678910	0123456789
14	20118247	HUỖNH THANH TÂM	DH20CK			2,0	1,3	3,5	6,8	0012345678910	0123456789
15	20118252	NGUYỄN QUỐC THÁI	DH20CK			2,0	1,3	3,5	6,8	0012345678910	0123456789
16	20118255	NGUYỄN QUỐC THẮNG	DH20CK			2,0	0,8	2,0	4,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16136

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2071 40

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH20CK_03

Tổ Thi 003_DH20CK_03

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/01/2022

Giờ Thi 08:00

Phòng Thi RD304

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20118257	NGUYỄN PHÚ THÀNH	DH20CK	(Chữ ký)						0012345678910	0123456789
18	20118258	UNG NGỌC THÀNH	DH20CK			22.5	12.5	35	7.0	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Trưởng Quang Tuấn

B. V. Thành Tiên



Mã nhận dạng 16137

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2071 40

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH20CK_03

Tổ Thi 004_DH20CK_03

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/01/2022

Giờ Thi 08:00

Phòng Thi RD301

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 25%	Đ2 15%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	15118114	Lê Đức Trí	DH15CK			4,8	0,5	3,5	5,8	0012345678910	0123456789
2	18118144	Trần Phước Thịnh	DH18CK			1,5	1,0	3,3	5,8	0012345678910	0123456789
3	18118148	Đỗ Thành Thu	DH18CK			2,0	1,0	2,5	5,5	0012345678910	0123456789
4	18137041	Trần Văn Thọ	DH18NL			2,0	1,0	4,3	7,3	0012345678910	0123456789
5	20118260	NGUYỄN VĂN THỊNH	DH20CC			1,8	0,5	2,5	4,8	0012345678910	0123456789
6	20118263	NGUYỄN HOÀNG THÔNG	DH20CK	✓						0012345678910	0123456789
7	20118264	NGUYỄN ĐỨC THUẬN	DH20CK			2,0	0,5	2,0	4,5	0012345678910	0123456789
8	20118271	NGUYỄN NGỌC TOÀN	DH20CK			2,25	0,5	2,25	5,0	0012345678910	0123456789
9	20118272	PHẠM ĐỨC TOÀN	DH20CK			2,0	1,0	1,5	4,5	0012345678910	0123456789
10	20118274	NGUYỄN TRỌNG TRIẾT	DH20CK			2,0	1,3	3,0	6,3	0012345678910	0123456789
11	20118275	LÊ MINH TRỌNG	DH20CK			0,0	0,0	4,5	1,5	0012345678910	0123456789
12	20118276	HUỖNH QUANG TRUNG	DH20CK			2,25	0,8	2,25	5,8	0012345678910	0123456789
13	20118278	NGUYỄN THÀNH TRUNG	DH20CK			1,5	0,25	3,25	6,0	0012345678910	0123456789
14	20118284	PHAN THANH TÙNG	DH20CK	(Cấm thi)						0012345678910	0123456789
15	20118285	TRƯƠNG THANH TÙNG	DH20CK			2,0	1,0	0,0	3,0	0012345678910	0123456789
16	20118286	NGUYỄN THÁI VI	DH20CK			2,0	0,5	2,3	4,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16137

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2071) 40

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH20CK_03

Tổ Thi

004_DH20CK_03

Tên CBGD

Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/01/2022

Giờ Thi

08:00

Phòng Thi

RD301

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20118287	NGÔ ANH VIỆT	DH20CK			1,0	4,0	1,0	2,0	0012345678910	0123456789
18	20118291	LÂM HUỖNH ANH VŨ	DH20CK			2,0	4,75	4,75	7,5	0012345678910	0123456789
19	20118292	TRẦN QUỐC VƯƠNG	DH20CK			2,0	4,0	1,3	3,3	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày 18 Tháng 02 Năm 2022

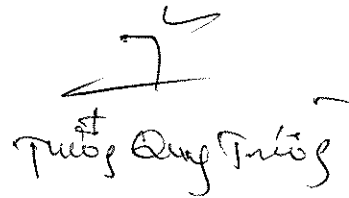
Cán bộ coi thi 1

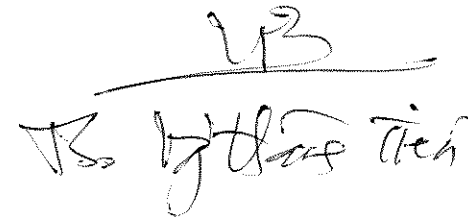
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____


Trần Quốc Vương


Vương Thành Tiên



Mã nhận dạng 16138

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2071 40**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH20NL_04**

Tổ Thi **001_DH20NL_04**

Tên CBGD **Vương Thành Tiên**

Ngày Thi **18/01/2022**

Giờ Thi **10:30**

Phòng Thi **RD501 (68)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 25%	D2 15%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	20137009	NGUYỄN QUỐC ĐẠT	DH20NL			2,0	0,3	2,0	4,3	0012345678910	0123456789
2	20137014	NGUYỄN NHỰT HIỆP	DH20NL			2,25	0,0	2,25	5,0	0012345678910	0123456789
3	20137024	TRƯƠNG ANH HUYỀN	DH20NL			2,0	1,0	2,5	5,5	0012345678910	0123456789
4	20137063	DƯƠNG LỢI AN	DH20NL	(cấm thi)						0012345678910	0123456789
5	20137064	NGUYỄN TÂN AN	DH20NL			2,0	0,0	1,0	3,0	0012345678910	0123456789
6	20137066	NGUYỄN LÊ QUỐC BẢO	DH20NL			2,0	0,0	2,0	4,0	0012345678910	0123456789
7	20137067	NGUYỄN THÀNH CHÍ	DH20NL			1,75	0,25	2,0	4,0	0012345678910	0123456789
8	20137068	NGUYỄN VĂN ĐẠI	DH20NL			1,0	0,0	1,5	2,5	0012345678910	0123456789
9	20137069	LÊ MINH ĐĂNG	DH20NL			1,5	0,0	1,8	3,3	0012345678910	0123456789
10	20137070	TRỊNH TÂN DƯ	DH20NL			1,75	0,0	2,25	4,0	0012345678910	0123456789
11	20137074	LÊ THANH HÀ	DH20NL			2,0	0,0	2,0	4,0	0012345678910	0123456789
12	20137076	HỒ THỊ HỒNG HẠNH	DH20NL			2,25	0,25	2,5	5,0	0012345678910	0123456789
13	20137077	PHÙNG VĨ HÀO	DH20NL			1,75	0,0	0,25	2,0	0012345678910	0123456789
14	20137078	LÊ QUANG HÀO	DH20NL			2,0	0,3	2,0	4,3	0012345678910	0123456789
15	20137084	TRẦN QUANG HUY	DH20NL			2,0	0,5	2,5	5,0	0012345678910	0123456789
16	20137085	ĐẶNG QUANG KHÁI	DH20NL			2,0	0,0	0,0	2,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16138

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2071 40

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH20NL_04

Tổ Thi 001_DH20NL_04

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/01/2022

Giờ Thi 10:30

Phòng Thi RD501

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20137086	LÊ BẢO KHANG	DH20NL			2,0	0,0	0,5	2,5	0012345678910	0123456789
18	20137087	CAO DUY KHÁNH	DH20NL			1,0	0,0	2,0	3,0	0012345678910	0123456789
19	20137088	VÕ ĐĂNG KHOA	DH20NL			2,0	0,0	2,5	4,5	0012345678910	0123456789
20	20137089	LÝ CHÍ KIẾT	DH20NL			1,75	0,25	2,5	4,5	0012345678910	0123456789
21	20137090	NGUYỄN TUẤN KIẾT	DH20NL			2,0	1,5	4,0	7,5	0012345678910	0123456789
22	20137091	PHẠM TUẤN KIẾT	DH20NL			1,5	0,0	1,8	3,3	0012345678910	0123456789
23	20137094	HUỲNH HOÀI LÂM	DH20NL			2,0	0,0	2,3	4,3	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____


Vương Thành Tiên


Vương Thành Tiên

Ngày in : 24/01/2022



Mã nhận dạng 16139

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2071) 40

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH20NL_04

Tổ Thi 002_DH20NL_04

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/01/2022

Giờ Thi 10:30

Phòng Thi RD201

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 25%	Đ2 15%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118058	Trần Ngọc Minh	Mẫn	DH17CK		2,0	1,3	4,0	7,3	0012345678910	0123456789
2	17118061	Đào Phương	Nam	DH17CK		2,0	1,0	4,0	7,0	0012345678910	0123456789
3	18153059	Vũ Thế	Quang	DH18CD		2,0	1,0	2,0	5,0	0012345678910	0123456789
4	19137051	Phạm Trung	Quân	DH20NL		1,0	0,5	1,5	3,0	0012345678910	0123456789
5	20118198	VÕ QUỐC	MINH	DH20CK		2,0	0,0	1,5	3,5	0012345678910	0123456789
6	20118221	DƯƠNG TÂN	PHÁT	DH20CC		2,0	1,5	2,0	5,5	0012345678910	0123456789
7	20137039	ĐỖ MINH	QUÂN	DH20NL		2,0	0,5	2,5	5,0	0012345678910	0123456789
8	20137095	NGUYỄN HOÀNG	LINH	DH20NL		2,0	0,5	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
9	20137096	HÀ PHƯỚC	LỘC	DH20NL		1,75	0,0	2,25	4,0	0012345678910	0123456789
10	20137098	TRẦN ĐỨC	LƯƠNG	DH20NL		2,25	0,0	1,75	4,0	0012345678910	0123456789
11	20137099	PHẠM AN	NINH	DH20NL		2,0	0,5	2,5	5,0	0012345678910	0123456789
12	20137100	TRẦN THANH	PHÁP	DH20NL		2,5	0,0	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
13	20137104	BÙI LÊ VĨNH	PHÚ	DH20NL		2,0	0,5	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
14	20137105	NGUYỄN TRỌNG	PHÚ	DH20NL		2,0	1,25	1,75	5,0	0012345678910	0123456789
15	20137107	NGÔ HOÀNG	PHÚC	DH20NL		2,0	0,75	3,75	6,5	0012345678910	0123456789
16	20137109	NGUYỄN MINH	PHƯƠNG	DH20NL		2,0	0,25	2,25	4,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16139

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2071 40

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH20NL_04

Tổ Thi 002_DH20NL_04

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/01/2022

Giờ Thi 10:30

Phòng Thi RD201

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20137112	LÊ VĂN TÀI	DH20NL	(cánh thi)						0012345678910	0123456789
18	20137113	NGUYỄN TRỌNG TÂM	DH20NL			2,0	0,0	2,3	4,3	0012345678910	0123456789
19	20137115	ĐẶNG NGUYỄN HOÀNG THÁI	DH20NL			2,0	0,5	2,5	5,0	0012345678910	0123456789
20	20137116	NGUYỄN DƯƠNG THÁI	DH20NL			1,75	0,0	1,75	2,0	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

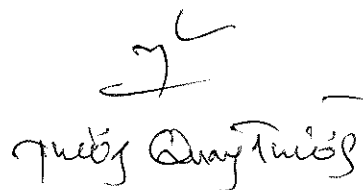
Cán bộ coi thi 1

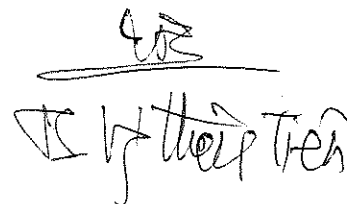
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____


Vương Thành Tiên


Vương Thành Tiên



Mã nhận dạng 16140

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2071 40

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH20NL_04

Tổ Thi 003_DH20NL_04

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/01/2022

Giờ Thi 10:30

Phòng Thi RD503

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118107	Bá Duy	Thịnh	DH17CK		1,75	0,75	4,5	7,0	0012345678910	0123456789
2	18118171	Đặng Minh	Tuấn	DH18CC		2,0	1,5	4,5	8,0	0012345678910	0123456789
3	18118222	Châu Ngọc	Ti	DH18CC						0012345678910	0123456789
4	18137046	Phan Khánh	Trung	DH18NL		2,0	1,25	5,25	9,0	0012345678910	0123456789
5	18153083	Phạm Khải	Tường	DH18CD		2,0	1,5	3,5	7,0	0012345678910	0123456789
6	20137047	PHẠM NHƯ TÂM	THÔNG	DH20NL		2,0	0,0	2,3	4,3	0012345678910	0123456789
7	20137057	LƯƠNG MINH	TUẤN	DH20NL		2,0	0,75	2,25	4,5	0012345678910	0123456789
8	20137061	NGUYỄN MINH	VŨ	DH20NL	(cấm thi)					0012345678910	0123456789
9	20137118	BÙI THỊ NHẬT	THIÊN	DH20NL		1,75	0,0	2,25	4,5	0012345678910	0123456789
10	20137119	LƯƠNG VĂN	THỊNH	DH20NL		2,0	0,5	2,0	4,5	0012345678910	0123456789
11	20137122	NGÔ THANH	TIẾNG	DH20NL		2,25	0,5	2,25	5,0	0012345678910	0123456789
12	20137126	VÔ BẢO	TOÀN	DH20NL		2,0	0,5	3,8	6,3	0012345678910	0123456789
13	20137129	NGUYỄN THANH	TRANG	DH20NL		1,75	0,25	1,5	3,5	0012345678910	0123456789
14	20137131	TRẦN QUỐC	TRUNG	DH20NL		2,0	1,5	4,0	7,5	0012345678910	0123456789
15	20137132	BÙI NGỌC ANH	TUẤN	DH20NL		2,0	0,3	2,0	4,3	0012345678910	0123456789
16	20137133	TRIỆU	VÂN	DH20NL						0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16140

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2071 40

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH20NL_04

Tổ Thi 003_DH20NL_04

Tên CBGD

Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/01/2022

Giờ Thi 10:30

Phòng Thi

RD503

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20137134	LÂM VŨ HUY	VĂN	DH20NL						0012345678910	0123456789
18	20137136	NGUYỄN QUỐC	VIỆT	DH20NL	(cấm thi)					0012345678910	0123456789
19	20137137	NGUYỄN LÊ	VIN	DH20NL		90	85	90	4,5	0012345678910	0123456789
20	20137138	TRẦN TÂN	VÝ	DH20NL		95	90	95	4,0	0012345678910	0123456789
21	20152012	HỒ VINH	THÉ	DH20NL		90	80	93	4,3	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày 18 Tháng 02 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2


Trưởng Bộ môn/Khoa


TS. Vũ Thành Tiên

Ngày in : 24/01/2022



Mã nhận dạng 16141

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tính học & động lực học(2071 40

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH200T_05

Tổ Thi 001_DH200T_05

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/01/2022

Giờ Thi 10:30

Phòng Thi RD205

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 25%	Đ2 15%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17154018	Trần Thế Dư	DH17OT			2,0	1,5	4,0	7,5	0012345678910	0123456789
2	18118036	Ứng Phương Duy	DH18CC			2,0	1,5	2,0	5,5	0012345678910	0123456789
3	18118045	Lê Quang Huy	DH18CK			2,0	1,5	4,5	8,0	0012345678910	0123456789
4	18154005	Nguyễn Duy Anh	DH18OT			2,0	1,0	3,3	6,3	0012345678910	0123456789
5	18154007	Trần Quyền Anh	DH18OT			1,0	0,0	1,3	2,3	0012345678910	0123456789
6	20154010	LÊ QUANG CÔNG	DH20OT			2,0	0,3	2,0	4,3	0012345678910	0123456789
7	20154014	QUÁCH DƯƠNG	DH20OT			2,0	0,0	3,5	5,5	0012345678910	0123456789
8	20154022	HỒ HOÀNG HẢO	DH20OT			2,0	0,0	3,5	5,5	0012345678910	0123456789
9	20154081	NGUYỄN PHAN NGỌC ANH	DH20OT			2,0	0,0	3,5	5,5	0012345678910	0123456789
10	20154085	HUỲNH GIA BẢO	DH20OT			2,0	1,0	4,5	7,5	0012345678910	0123456789
11	20154087	ABDUL BARI	DH20OT			2,0	0,0	2,5	4,5	0012345678910	0123456789
12	20154088	LUU VĂN BÌNH	DH20OT			2,0	1,0	3,0	6,0	0012345678910	0123456789
13	20154089	PHẠM THÁI BÌNH	DH20OT			2,0	0,25	4,75	7,0	0012345678910	0123456789
14	20154097	NGUYỄN TÂN DANH	DH20OT			1,75	0,25	3,5	5,5	0012345678910	0123456789
15	20154102	ĐẶNG THIỀU ĐÌNH	DH20OT			1,0	0,3	5,0	6,3	0012345678910	0123456789
16	20154105	NGUYỄN TRỌNG ĐỨC	DH20OT			2,0	1,0	3,0	6,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16141

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2071 40**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH20OT_05**

Tổ Thi **001_DH20OT_05**

Tên CBGD **Vương Thành Tiên**

Ngày Thi **18/01/2022**

Giờ Thi **10:30**

Phòng Thi **RD205**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20154108	NGUYỄN TRUNG DŨNG	DH20OT			2,25	1,5	4,75	8,0	0012345678910	0123456789
18	20154111	NGUYỄN VĂN DƯƠNG	DH20OT			2,0	0,5	3,0	5,5	0012345678910	0123456789
19	20154115	NGUYỄN THÀNH DUY	DH20OT			2,0	0,25	3,25	5,5	0012345678910	0123456789
20	20154117	LÊ TUẤN TRƯỜNG	GIANG			2,25	0,25	2,8	5,8	0012345678910	0123456789
21	20154120	VÔ NGUYỄN THANH NH HẠ	DH20OT							0012345678910	0123456789
22	20154127	ĐẶNG TRUNG HIẾU	DH20OT			1,5	0,3	3,0	4,8	0012345678910	0123456789
23	20154131	HUỖNH VŨ	HOÀI			1,5	0,3	1,5	3,3	0012345678910	0123456789
24	20154132	NGUYỄN THỌ	HOÀNG	(Cầm Tiên)						0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

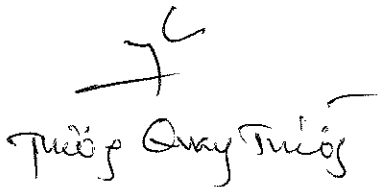
Cán bộ coi thi 1

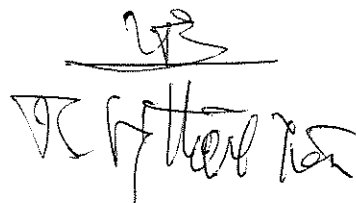
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____


Vương Thành Tiên


Nguyễn Văn Dương

Ngày in : 24/01/2022



Mã nhận dạng 16142

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2071) 40

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH20OT_05

Tổ Thi 002_DH20OT_05

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/01/2022

Giờ Thi 10:30

Phòng Thi RD306

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 25%	Đ2 15%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	16137034	Nguyễn Nho Hung	DH16NL			2,0	0,5	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
2	17118047	Nguyễn Hữu Khang	DH17CK			2,0	0,8	4,5	7,3	0012345678910	0123456789
3	17154039	Phạm Hoàng Khang	DH17OT			1,0	1,0	3,0	5,0	0012345678910	0123456789
4	17154041	Nguyễn Duy Khánh	DH17OT			2,0	1,25	3,25	7,0	0012345678910	0123456789
5	18153035	Vũ Chúc Khiêm	DH18CD			2,0	0,5	2,5	5,0	0012345678910	0123456789
6	18153036	Trần Việt Khoa	DH18CD			2,0	1,0	2,3	5,3	0012345678910	0123456789
7	18154090	Trần Nguyễn Minh Nhựt	DH18OT			1,75	0,75	4,0	6,5	0012345678910	0123456789
8	20154024	PHÙNG QUỐC HUY	DH20OT			2,0	0,25	2,25	4,5	0012345678910	0123456789
9	20154138	NGUYỄN MINH HUNG	DH20OT			2,0	0,75	4,25	4,0	0012345678910	0123456789
10	20154144	TRẦN GIA HUY	DH20OT			2,0	1,5	3,8	7,3	0012345678910	0123456789
11	20154145	RƠ Ô KÁ	DH20OT							0012345678910	0123456789
12	20154147	DƯƠNG TRÍ KHANG	DH20OT			2,0	0,25	4,25	6,5	0012345678910	0123456789
13	20154149	HOÀNG LÊ MINH KHÁNH	DH20OT			2,0	0,5	4,0	6,5	0012345678910	0123456789
14	20154150	NGUYỄN HOÀNG BẢO KHÁNH	DH20OT							0012345678910	0123456789
15	20154151	TRẦN MẠC ANH KHOA	DH20OT							0012345678910	0123456789
16	20154155	MAI THANH LÂM	DH20OT			2,0	0,5	4,0	6,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16142

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2071 40

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH20OT_05

Tổ Thi 002_DH20OT_05

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/01/2022

Giờ Thi 10:30

Phòng Thi RD306

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20154158	HOÀNG KIM	LÂN	DH20OT		1,5	0,0	1,0	2,5	0012345678910	0123456789
18	20154160	TRẦN NGỌC	LINH	DH20OT		1,75	0,5	5,75	8,0	0012345678910	0123456789
19	20154164	NGUYỄN CÔNG	LÝ	DH20OT	✓					0012345678910	0123456789
20	20154165	NGUYỄN TIỀN	MẠNH	DH20OT		2,0	0,25	2,25	4,5	0012345678910	0123456789
21	20154169	NGUYỄN THÀNH	NAM	DH20OT		2,0	0,0	0,5	2,5	0012345678910	0123456789
22	20154175	NGUYỄN TRUNG	NGHĨA	DH20OT		2,0	1,0	3,5	6,5	0012345678910	0123456789
23	20154179	TRƯƠNG QUỐC	NGUYỄN	DH20OT		2,25	1,25	5,3	8,8	0012345678910	0123456789
24	20154181	PHẠM HOÀNG	NHÂN	DH20OT		2,0	0,8	4,5	7,3	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Trưởng Quang Tuấn

Vương Thành Tiên

Ngày in : 24/01/2022



Mã nhận dạng 16143

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2071 40

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH200T_05

Tổ Thi 003_DH200T_05

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/01/2022

Giờ Thi 10:30

Phòng Thi RD304

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	13153186	Trần Minh Quang	DH13CD			2,0	1,5	2,5	6,0	0012345678910	0123456789
2	17118078	Nguyễn Lê Phong	DH17CK			2,0	1,0	4,0	7,0	0012345678910	0123456789
3	17154072	Trần Thanh Phúc	DH17OT			2,0	1,0	5,5	8,5	0012345678910	0123456789
4	20120077	ĐINH CÔNG ĐẠI PHÁT	DH200T			2,25	0,5	1,25	4,0	0012345678910	0123456789
5	20154183	CAO NGUYỄN THÀNH PHÁT	DH200T			1,0	0,0	1,3	2,3	0012345678910	0123456789
6	20154186	VŨ THỊNH PHÁT	DH200T			2,0	0,3	2,5	4,8	0012345678910	0123456789
7	20154187	ÂU THIÊN PHÚ	DH200T			1,5	0,0	3,0	4,5	0012345678910	0123456789
8	20154188	CAO QUAN PHÚ	DH200T			2,0	0,0	2,0	4,0	0012345678910	0123456789
9	20154189	CAO THẾ PHÚ	DH200T			2,0	1,0	2,8	5,8	0012345678910	0123456789
10	20154191	NGUYỄN HOÀNG PHÚC	DH200T			2,25	0,0	2,75	5,0	0012345678910	0123456789
11	20154193	THÁI TRẦN HỒNG PHÚC	DH200T			2,0	0,3	2,0	4,3	0012345678910	0123456789
12	20154197	ĐỖ ANH QUÂN	DH200T			2,0	0,3	2,5	4,8	0012345678910	0123456789
13	20154200	NGUYỄN MẠNH QUÂN	DH200T			1,5	0,0	1,3	2,8	0012345678910	0123456789
14	20154201	HUỖNH NGỌC QUANG	DH200T			1,75	0,25	3,5	5,5	0012345678910	0123456789
15	20154202	NGUYỄN THẾ QUANG	DH200T							0012345678910	0123456789
16	20154203	HỒ VĂN NGỌC QUÍ	DH200T			2,0	0,8	3,0	5,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16143

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2071 40

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH20OT_05

Tổ Thi 003_DH20OT_05

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/01/2022

Giờ Thi 10:30

Phòng Thi RD304

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20154206	HUỖNH AN	QUYÊN	DH20OT		1,25	1,25	6,0	9,0	0012345678910	0123456789
18	20154207	NGUYỄN THẾ	QUYÊN	DH20OT		1,75	0,25	2,3	4,3	0012345678910	0123456789
19	20154208	ĐÀO MINH	QUYẾT	DH20OT		2,0	0,3	5,0	7,3	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi I _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Vương Quang Tuấn

Vương Thành Tiên



Mã nhận dạng 16144

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2071 40

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH200T_05

Tổ Thi 004_DH200T_05

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/01/2022

Giờ Thi 10:30

Phòng Thi RD301

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 25%	Đ2 15%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	14118070	Đinh Trọng Thọ	DH14CK			2,0	1,0	2,5	5,5	0012345678910	0123456789
2	14118249	Phạm Châu Thanh	DH14CK			2,0	1,0	2,5	5,5	0012345678910	0123456789
3	17154090	Nguyễn Đình Thắng	DH17OT			2,0	1,0	5,0	8,0	0012345678910	0123456789
4	17154091	Phạm Bá Thắng	DH17OT							0012345678910	0123456789
5	17154095	Huỳnh Minh Thịnh	DH18OT			2,0	1,0	2,5	5,5	0012345678910	0123456789
6	18118164	Lê Minh Trung	DH18CC			2,0	1,5	4,5	8,0	0012345678910	0123456789
7	20154055	HUỲNH THANH TÂM	DH20OT			2,0	0,5	2,3	4,8	0012345678910	0123456789
8	20154062	HUỲNH MINH THÔNG	DH20OT			2,25	0,75	3,0	5,5	0012345678910	0123456789
9	20154075	NGUYỄN TUÂN VŨ	DH20OT			2,0	0,0	4,0	6,0	0012345678910	0123456789
10	20154209	TRẦN CHÍ QUYẾT	DH20OT			1,75	0,0	3,75	5,5	0012345678910	0123456789
11	20154211	NGUYỄN NGỌC PHÁT SANG	DH20OT							0012345678910	0123456789
12	20154212	NGUYỄN THANH SANG	DH20OT			1,5	0,3	3,5	5,3	0012345678910	0123456789
13	20154216	HUỲNH DUY TÂN	DH20OT			2,0	0,75	3,75	6,5	0012345678910	0123456789
14	20154219	NGUYỄN TIỀN THẠNH	DH20OT			2,0	0,3	3,0	5,3	0012345678910	0123456789
15	20154220	NGUYỄN HOÀNG THIÊN	DH20OT			2,0	1,0	3,5	6,5	0012345678910	0123456789
16	20154222	PHAN HỮU THIÊN	DH20OT			2,0	0,5	3,8	6,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16144

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tính học & động lực học(2071 40

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH20OT_05

Tổ Thi 004_DH20OT_05

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/01/2022

Giờ Thi 10:30

Phòng Thi RD301

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20154225	NGUYỄN BẢO THUẬN	DH20OT							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	20154229	NGUYỄN QUỐC TRÃI	DH20OT			20	0,25	3,25	5,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	20154240	TRẦN NHẬT TUẤN	DH20OT	(Cần thi)						● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày 18 Tháng 01 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Vương Thành Tiên

TS. Vương Thành Tiên

Ngày in : 24/01/2022



Mã nhận dạng 16145

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2071 40)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH20OT_06**

Tổ Thi **001_DH20OT_06**

Tên CBGD **Vương Thành Tiên**

Ngày Thi **18/01/2022**

Giờ Thi **10:30**

Phòng Thi **RD202 (6/2)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 25%	Đ2 15%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	13154005	Lưu Công Chí	DH13OT	(Cánh thi)						0012345678910	0123456789
2	17118027	Nguyễn Anh Duy	DH17CC			2,0	0,0	3,5	5,5	0012345678910	0123456789
3	17137007	Đậu Sỹ Chiến	DH17NL			2,0	1,0	2,5	5,5	0012345678910	0123456789
4	20118129	LÊ HẢI ĐĂNG	DH20CK			1,0	1,0	2,0	4,0	0012345678910	0123456789
5	20154005	NGUYỄN TUÂN ANH	DH20OT			2,0	1,0	2,5	5,5	0012345678910	0123456789
6	20154006	NGUYỄN XUÂN BÁCH	DH20OT			2,0	0,0	3,0	5,0	0012345678910	0123456789
7	20154079	ĐIỀN TUÂN ANH	DH20OT			2,0	0,75	3,25	6,0	0012345678910	0123456789
8	20154080	LÊ TUÂN ANH	DH20OT			2,25	1,25	3,5	7,0	0012345678910	0123456789
9	20154082	NGUYỄN PHÚC HOÀNG ANH	DH20OT	(Cánh thi)						0012345678910	0123456789
10	20154086	NGUYỄN TRẦN NHẬT BẢO	DH20OT			2,0	0,3	3,5	5,8	0012345678910	0123456789
11	20154090	VÕ THIÊN CHÍ	DH20OT	✓						0012345678910	0123456789
12	20154091	NGUYỄN QUỐC CÔNG	DH20OT			1,75	0,75	0,5	3,0	0012345678910	0123456789
13	20154093	HỒ CHÍ CƯỜNG	DH20OT			2,0	1,5	4,0	7,5	0012345678910	0123456789
14	20154096	LÂM HẢI ĐĂNG	DH20OT	(Cánh thi)						0012345678910	0123456789
15	20154101	PHẠM ĐÌNH THÀNH ĐẠT	DH20OT			2,0	1,0	4,0	7,0	0012345678910	0123456789
16	20154103	DƯƠNG QUỐC ĐÔNG	DH20OT			1,75	0,75	4,0	6,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16145

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2071) 40

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH200T_06

Tổ Thi 001_DH200T_06

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/01/2022

Giờ Thi 10:30

Phòng Thi RD202

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20154106	NGUYỄN VĂN ĐỨC	DH200T			2,0	0,0	4,0	6,0	0012345678910	0123456789
18	20154112	HUỖNH KHÁNH DUY	DH200T							0012345678910	0123456789
19	20154113	LÊ HOÀNG ĐỨC	DH200T			2,0	4,0	2,0	4,0	0012345678910	0123456789
20	20154114	NGUYỄN THÀNH DUY	DH200T			2,0	0,5	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
21	20154122	VŨ ANH HÀO	DH200T			2,0	0,0	0,5	2,5	0012345678910	0123456789
22	20154123	HOÀNG HỒNG HẬU	DH200T			2,0	0,75	1,75	4,0	0012345678910	0123456789
23	20154124	PHẠM NGUYỄN QUỐC HẬU	DH200T			2,0	1,0	2,0	5,0	0012345678910	0123456789
24	20154126	VÕ CÔNG HIẾN	DH200T			2,0	0,75	3,75	6,5	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

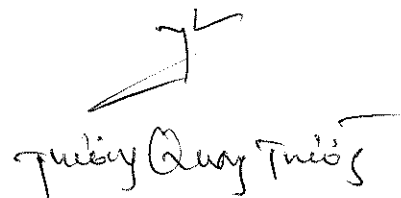
Cán bộ coi thi 1

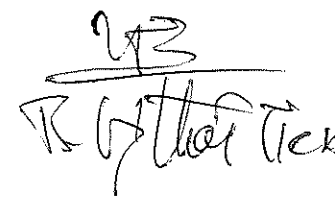
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____


Vương Thành Tiên


Vương Thành Tiên

Ngày in : 24/01/2022



Mã nhận dạng 16146

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2071 40)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH20OT_06**

Tổ Thi **002_DH20OT_06**

Tên CBGD **Vương Thành Tiên**

Ngày Thi **18/01/2022**

Giờ Thi **10:30**

Phòng Thi **RD101**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17137028	Nguyễn Huân	DH17NL			2,0	0,0	2,5	4,5	0012345678910	0123456789
2	17137033	Phan Đình Huỳnh	DH17NL			1,75	0,0	2,25	4,0	0012345678910	0123456789
3	17137046	Nguyễn Na	DH17NL			2,0	0,25	4,75	7,0	0012345678910	0123456789
4	20153096	LÊ THANH LỘC	DH20CD			2,25	0,0	1,75	4,0	0012345678910	0123456789
5	20154133	NGUYỄN VĂN HOÀNG	DH20OT			2,0	0,75	1,25	4,0	0012345678910	0123456789
6	20154134	NGUYỄN VÕ HUY	HOÀNG	DH20OT		1,8	0,0	3,0	4,8	0012345678910	0123456789
7	20154136	NGUYỄN THỊ THU HỒNG	DH20OT			2,0	1,3	3,5	6,8	0012345678910	0123456789
8	20154137	PHAN QUÝ HÙNG	DH20OT			2,0	0,75	3,25	5,5	0012345678910	0123456789
9	20154139	TRẦN HỮU HÙNG	DH20OT			2,0	0,75	3,75	6,5	0012345678910	0123456789
10	20154140	BÙI THANH HUY	DH20OT			2,0	0,25	3,25	5,5	0012345678910	0123456789
11	20154141	NGUYỄN MINH HUY	DH20OT			1,75	0,5	2,75	5,0	0012345678910	0123456789
12	20154142	NGUYỄN VŨ NHẬT	HUY	DH20OT		2,0	0,5	3,0	5,5	0012345678910	0123456789
13	20154146	NGUYỄN QUỐC KHÁI	DH20OT			2,0	0,5	2,5	5,0	0012345678910	0123456789
14	20154148	CHÂU QUỐC VIỆT	KHÁNH	DH20OT		2,0	0,25	1,25	4,0	0012345678910	0123456789
15	20154152	VÕ NGUYỄN KHÔI	DH20OT			2,0	0,75	1,75	4,5	0012345678910	0123456789
16	20154153	NGUYỄN VĂN KIÊN	DH20OT			1,8	0,5	4,0	6,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16146

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2071) 40

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH20OT_06

Tổ Thi 002_DH20OT_06

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/01/2022

Giờ Thi 10:30

Phòng Thi RD101

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20154159	NGUYỄN CÔNG LINH	DH20OT			2,0	0,5	3,0	5,5	0012345678910	0123456789
18	20154166	NGUYỄN VĂN MINH	DH20OT			2,0	0,75	3,75	4,5	0012345678910	0123456789
19	20154168	ĐẬU PHƯƠNG NAM	DH20OT			2,0	0,0	3,0	5,0	0012345678910	0123456789
20	20154170	TRẦN THANH NAM	DH20OT			2,0	0,5	3,3	5,8	0012345678910	0123456789
21	20154171	NGUYỄN TRỌNG NGHỊ	DH20OT			2,0	0,75	3,25	6,0	0012345678910	0123456789
22	20154172	TRẦN TRUNG NGHỊ	DH20OT			2,0	0,0	3,3	4,3	0012345678910	0123456789
23	20154173	BÙI TÁ NGHĨA	DH20OT			2,0	0,3	2,5	4,8	0012345678910	0123456789
24	20154176	PHẠM TRỌNG CÔNG NGHĨA	DH20OT			2,0	0,25	3,25	5,0	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

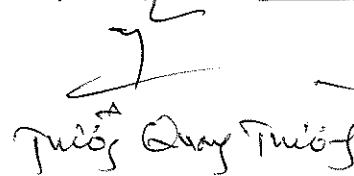
Cán bộ coi thi 1

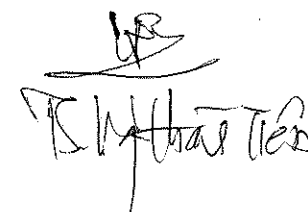
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____


Vương Thành Tiên


Vương Thành Tiên

Ngày in : 24/01/2022



Mã nhận dạng 16147

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(207140

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH20OT_06

Tổ Thi 003_DH20OT_06

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/01/2022

Giờ Thi 10:30

Phòng Thi RD406

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 5%	Đ2 15%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17137057	Trần Văn Quang	DH17NL			2,0	1,5	2,3	5,8	0012345678910	0123456789
2	20154049	PHẠM NGỌC DIỄM	QUỲNH	DH20OT		2,5	1,0	2,5	5,5	0012345678910	0123456789
3	20154174	NGUYỄN TIỀN	NGHĨA	DH20OT		2,0	0,0	2,8	4,8	0012345678910	0123456789
4	20154178	NGUYỄN VĂN NHỰT	NGUYỄN	DH20OT						0012345678910	0123456789
5	20154194	NGUYỄN DIỆU	PHỤNG	DH20OT						0012345678910	0123456789
6	20154196	NGUYỄN HOÀI	PHƯƠNG	DH20OT	(cấm thi)					0012345678910	0123456789
7	20154198	ĐỖ HOÀNG	QUÂN	DH20OT		1,8	0,0	2,5	4,3	0012345678910	0123456789
8	20154205	TRẦN HỮU	QUỐC	DH20OT		1,5	0,0	1,0	2,5	0012345678910	0123456789
9	20154210	NGUYỄN ĐỖ HỮU	SANG	DH20OT		2,0	0,5	1,8	4,3	0012345678910	0123456789
10	20154213	NGUYỄN TIỀN	SỈ	DH20OT		2,0	1,5	4,0	7,5	0012345678910	0123456789
11	20154214	TRẦN TÂN	TÀI	DH20OT	(cấm thi)					0012345678910	0123456789
12	20154218	NGUYỄN QUANG	THÀNH	DH20OT		2,0	0,5	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
13	20154221	NGUYỄN THANH	THIỆN	DH20OT		1,0	0,3	5,5	6,8	0012345678910	0123456789
14	20154224	CHAU CHANH	THU	DH20OT		2,0	1,0	3,5	6,5	0012345678910	0123456789
15	20154226	NGUYỄN ĐẶNG	TIỀN	DH20OT		2,0	1,3	4,5	7,8	0012345678910	0123456789
16	20154227	NGUYỄN BẢO	TÍN	DH20OT						0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16147

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(207140

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH20OT_06

Tổ Thi 003_DH20OT_06

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/01/2022

Giờ Thi 10:30

Phòng Thi RD406

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

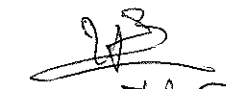
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____


Vương Quang Tiến


TS Vương Thành Tiên



Mã nhận dạng 16148

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2071 40

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH200T_06

Tổ Thi 004_DH200T_06

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 18/01/2022

Giờ Thi 10:30

Phòng Thi RD404

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 25%	Đ2 15%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	16137091	Vũ Nhật Trường	DH16NL			2,0	1,0	2,5	5,5	0012345678910	0123456789
2	17118135	Đặng Năng San	DH17CC			1,5	0,0	2,5	4,0	0012345678910	0123456789
3	17137077	Nguyễn Hoài Vũ	DH17NL			2,0	1,3	3,0	6,3	0012345678910	0123456789
4	20154228	HÀ HỮU TỊNH	DH200T			2,0	0,5	3,3	5,8	0012345678910	0123456789
5	20154230	NGUYỄN HỮU TRÍ	DH200T			2,0	0,25	3,25	5,5	0012345678910	0123456789
6	20154231	NGUYỄN HỮU TRÍ	DH200T			2,0	0,75	5,25	8,0	0012345678910	0123456789
7	20154232	PHẠM MINH TRÍ	DH200T			2,25	0,5	4,75	7,5	0012345678910	0123456789
8	20154233	ĐỖ NGỌC TRIẾT	DH200T			2,0	0,0	2,3	4,3	0012345678910	0123456789
9	20154234	ĐẶNG BÌNH TRIỆU	DH200T			2,25	0,25	3,0	5,5	0012345678910	0123456789
10	20154235	NGUYỄN HỒ QUỐC TRUNG	DH200T			2,25	1,0	4,25	7,5	0012345678910	0123456789
11	20154236	BÙI VĂN TRƯỜNG	DH200T			1,5	0,0	0,3	1,8	0012345678910	0123456789
12	20154237	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	DH200T			2,0	1,0	2,5	5,5	0012345678910	0123456789
13	20154238	LÊ HOÀNG TUẤN	DH200T			2,0	0,5	3,3	5,8	0012345678910	0123456789
14	20154239	PHẠM MINH TUẤN	DH200T			1,5	0,5	2,0	4,0	0012345678910	0123456789
15	20154241	TRƯƠNG QUANG TUẤN	DH200T			2,0	1,0	3,0	6,0	0012345678910	0123456789
16	20154242	CAO TRỌNG VĂN	DH200T			2,0	0,75	2,75	5,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16148

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2071 40)** Số Tín Ch **3**
Nhóm Thi **DH20OT_06** Tổ Thi **004_DH20OT_06** Tên CBGD **Vương Thành Tiên**
Ngày Thi **18/01/2022** Giờ Thi **10:30** Phòng Thi **RD404**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày 18 Tháng 02 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____


Trưởng Quý Trọng


TS. Vương Thành Tiên

Ngày in : 24/01/2022